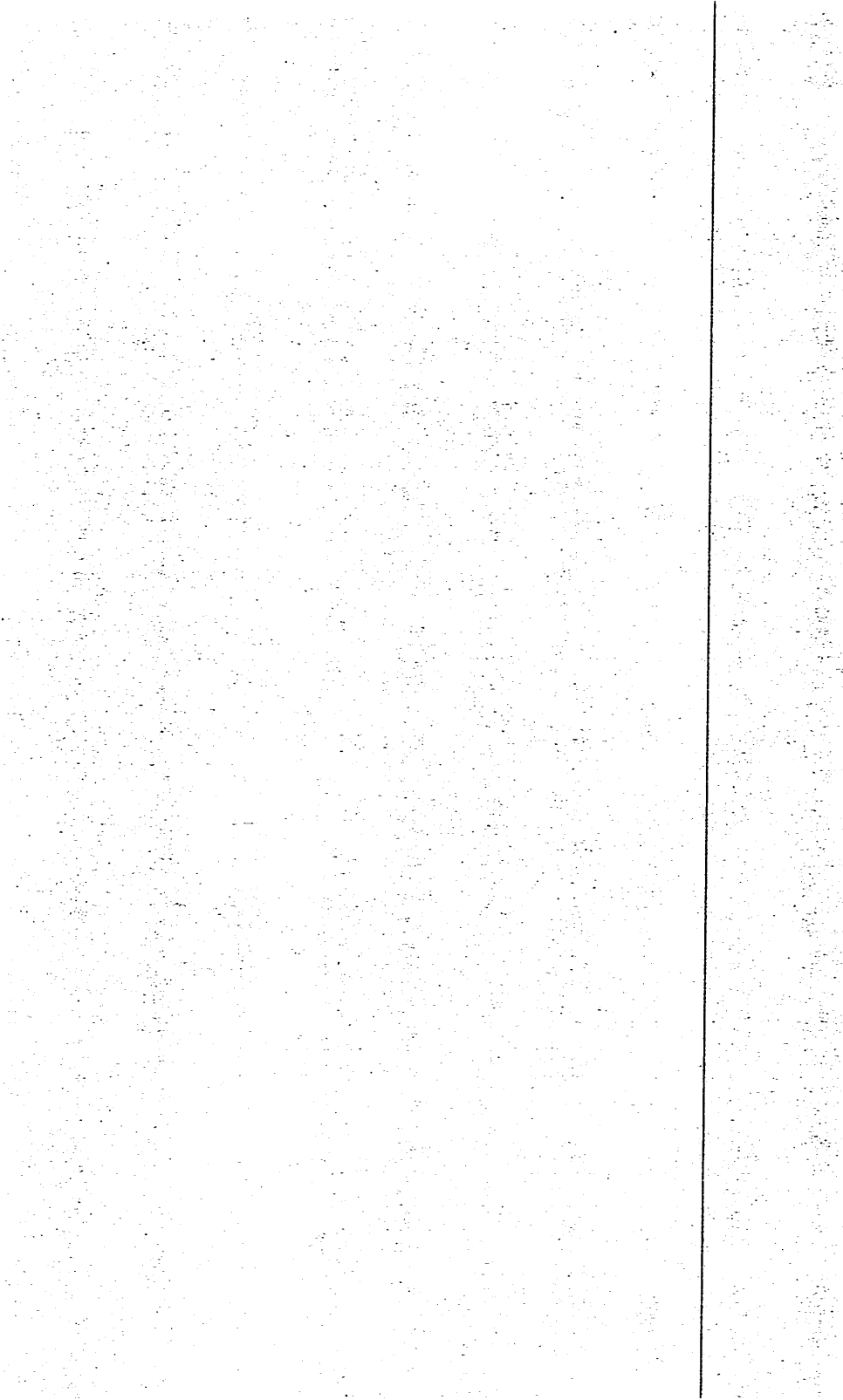


Guồng Trĩ Ân

Guồng Trĩ Ân



Ban Tu Thư Như Lai Thiền Viện





Thắm Luân

*“Sữa mẹ mà ta uống trong sanh tử
luân hồi kiếp kiếp còn nhiều hơn
nước trong bốn biển đại dương.”*

Kinh Tương Ưng



Lời Phật Dạy

“Ai có Cha Mẹ không có Chánh Tín, thì khuyến khích hướng dẫn Cha Mẹ an trú vào Chánh Tín; có Cha Mẹ theo ác giới, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào thiện giới; có Cha Mẹ gian tham, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào bố thí cúng dường; có Cha Mẹ theo ác trí, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào thiện trí. Làm được như vậy là đền đáp tròn đầy ân đức Mẹ Cha.”



Giờng Trí Ân

Soạn dịch

Thùy Khanh

Hiệu đính

Ban Tu Thư Như Lai Thiền Viện

2009

Minh Hoạ

Hoàng Huyền
Thi Chương
Thi Nguyên



**Namo Tassa Bhagavato
Arahato
Sammāsambuddhasa**

**Thành Kính Đảnh Lễ Đức Thế Tôn
Bậc A La Hán Cao Thượng
Đấng Chánh Biến Tri**

Mục Lục

Lời giới thiệu của Ban Tu Thư Như Lai Thiền Viện	7
Gương Tri Ân	9
<i>Bên Kia Dây Rón</i>	11
<i>Tri Kỳ</i>	15
<i>Thầy Trò</i>	21
<i>Huynh Đệ</i>	27
<i>Thi Ân</i>	37
<i>Người Đối Nghịch</i>	45
<i>Bổn Sư</i>	51
<i>Mẹ</i>	59
<i>Thay Lời Kết: Cunda Sutta</i>	69

Lời Giới Thiệu

Hằng năm, vào khoảng trăng tròn tháng bảy âm lịch, chùa chiền khắp nơi đều tổ chức long trọng ngày Vu Lan. Tại Như Lai Thiền Viện, Lễ Vu Lan được gọi là Lễ Báo Ân vì ngoài nội dung tưởng niệm ân đức cha mẹ, thân quyến còn bao gồm cả lòng tri ân đối với Tam Bảo, chư thiên, Thầy Tổ, bạn đạo, và mọi chúng sanh. Ý nghĩa tượng trưng của Lễ Báo Ân là người Phật tử dù lễ có cơ hội hồi hướng công đức do những việc thiện lành làm được trong ngày hôm đó - như nghe Pháp, cúng dường, công quả - đến các người thân còn hiện tiền hay đã quá vãng.

Trọng tâm của buổi lễ, ngoài phần pháp thoại là phần các con cái được xếp ngồi trước mặt cha mẹ mình nói lên đôi lời thương yêu và chúc phúc rồi quỳ lên đánh lễ các đấng sanh thành. Trong khung cảnh vừa đơn sơ vừa trang nghiêm trước ngôi Tam Bảo, cha mẹ lẫn con cái đều xúc động chân thành. Có những gia đình góp mặt đủ cả ba thế hệ... Con cháu dắt díu cha mẹ, ông bà lên gần quý Sư để cùng chứng minh. Cố Hòa Thượng U Silananda khi sinh tiền, lần đầu tiên chủ trì buổi lễ này cũng đã xúc động và hồn nhiên thốt lên: "Thật là một

cuộc lễ đẹp, đầy ý nghĩa!”

Ở các nơi khác, lễ Vu Lan gắn liền với giai thoại ly kỳ về Đại Đức Mục Kiền Liên nhờ thần thông cứu được mẹ thoát khỏi khổ cảnh ngục quỷ. Nhưng có lẽ chỉ một số người được nghe qua câu chuyện báo hiếu thật đơn sơ, sống động và chân thực của Đại Đức Xá Lợi Phất đã hóa độ cho thân mẫu và anh em được bước vào Chánh Pháp. Phần đông Phật tử Việt Nam đều biết Tôn Giả Xá Lợi Phất qua danh hiệu Trưởng Đệ Tử của Đức Phật, hoặc bậc đệ nhất trí tuệ ngay sau Đấng Thế Tôn, còn đối với các phẩm hạnh sáng ngời khác của Ngài chỉ biết lướt qua mà thôi.

Qua tập truyện nhỏ này, lòng trong bối cảnh ngày lễ Báo Ân, người soạn dịch ước mong được dâng đến quý Phật tử vài mẫu truyện ngắn tiêu biểu trích từ trong kinh điển về gương hiếu hạnh cũng như gương phạm hạnh cao quý của Ngài Xá Lợi Phất.

Như Lai Thiên Viện cùng toàn thể bạn đạo đã cùng đóng góp công đức xin nguyện hồi hướng phước báu này đến các bậc cha mẹ, thầy tổ cùng tất cả chúng sanh khắp pháp giới đều được an lành và được nhiều duyên may thấm nhuần Giáo Pháp.

Trong Tâm Từ,

Ban Tu Thư Như Lai Thiên Viện



Bên Kia Dây Rốn

Ai sanh ra đời cũng từng được thọ ân ít nhất một lần - ân Mẹ Cha, ân Thầy Tổ, ân chúng sanh, và đặc biệt, đối với người Phật tử là ân Tam Bảo.

Dù do phước duyên hay oan trái, tám thân này cũng tượng hình từ tinh Cha huyết Mẹ. Mẹ cho con nơi nương tựa đầu đời là chiếc nhau thai cưu mang chín tháng. Mẹ còn cho con thực phẩm đầu đời nuôi dưỡng thân mạng qua dây rốn nối liền Mẹ và con.

Khi sanh ra, dây rốn được cắt bỏ. Con còn lại chút cuống rốn thêm ít ngày rồi khô và rơi rụng. Lổ rốn còn lại như một lời nhắc nhở âm thầm đến ân nghĩa sanh thành. Từ đây tuy không còn là núm ruột bám bên trong Mẹ, nhưng Mẹ vẫn đi bên cạnh con trên đường đời, nối liền với con qua một sợi dây rốn mới, kết bằng yêu thương của tình mẫu tử.

Rồi từ đó cuộc đời đan kết thêm nhiều dây rốn vô hình khác. Ân Cha nuôi dưỡng, ân Thầy dạy dỗ, ân Người, ân Đời, ân Đất Nước chia sẻ, chở che, tha thứ...

Và cứ thế triền miên ngập lặn trong bể luân hồi, trôi lăn mãi theo chuỗi tử sanh vô tận, còn có biết bao nhiêu dây rốn khác? “*Sữa mẹ mà ta uống trong sanh tử luân hồi kiếp kiếp còn nhiều hơn nước trong bốn biển.*” (Kinh Tương Ưng). Lời Phật dạy vừa tán thán ân Mẹ bao la, vừa cảnh tỉnh chúng sanh đến nỗi khổ tái sanh.

Vô minh che lấp, nghiệp duyên chằng chịt, oan trái trùng trùng, làm sao ta thấy biết hết những dây rốn vô hình quấn quanh ta từ bao nhiêu kiếp? Làm sao ân nghĩa được vẹn toàn khi kẻ oán thù kiếp này biết đâu đã từng là một ‘bên kia dây rốn’ thâm tình của ta trong kiếp trước?

Sẽ có rất nhiều lúc trong cuộc đời ta phải cân nhắc giữa thương và hận, ân và oán. Khi ấy, mong thay thương yêu và thiện trí - dù chỉ mong manh chớp nhoáng - kịp soi rọi vào lòng, cho buông bỏ con dao trong tâm đang chực chờ rạch nát một dây rốn thiêng liêng mà vì mê mờ ta không thấy biết. Và, mong thay làm được như lời Phật dạy “*lấy ân báo oán*” (Kinh Pháp Cú).

Nhưng chỉ có ước mong suông thì như bong bóng nước mưa, tuy đẹp song không bao giờ kết thành một chuỗi tràng hạt bền chắc. Phải kiên trì và tinh tấn tu học và hành trì Giáo Pháp ta mới có thể đền đáp đúng cách, đúng nghĩa những mối thâm ân trong vô lượng kiếp.

Trong hàng ngàn vị đệ tử của Đức Phật lúc còn tại thế, có nhiều vị Thánh Tăng đã nêu những tấm gương sáng ngời cho đời sau theo gót trên đường tu

gian nan, đầy thử thách. Giữa những vị ấy có Đại Đức Sariputta (Xá Lợi Phất), vị Trưởng Đệ Tử ưu tú, trí tuệ bậc nhất trong các đệ tử Phật. Với phẩm vị Huynh Trưởng tối cao trong Tăng Đoàn, và được tôn xưng là Đại Tướng Quân của Giáo Pháp, Ngài là cánh tay phải Hộ Pháp Trợ Tăng của Đức Phật.

Ngài Sariputta thường được Đức Phật ngợi khen các phẩm tính ưu việt xứng danh Trưởng Tử Như Lai của Ngài:

“Nếu có một ai có thể tự nhận rằng mình thật sự là con của Như Lai, sinh trưởng từ Giáo Pháp, hình thành từ Giáo Pháp, không thừa tự chút phúc lạc may mắn nào của đời thế tục, thì người đó chính là Sariputta. Sau Như Lai, này chư Tỳ Kheo, Sariputta là người chuyển luân được bánh xe Pháp Bảo tối thượng như là chính Như Lai chuyển luân vậy.”

Anupada Sutta

Thế nhưng, ẩn trong hào quang lừng lẫy ấy, cuộc đời Ngài Sariputta là một chuỗi kết liên lạc những đức hạnh mềm mại dịu dàng của lòng từ bi, hiếu thảo, xả thân và đặc biệt là đức tính khiêm tốn và biết ơn.

Nhân mùa Lễ Báo Ân, ta hãy cùng ôn lại những công ơn sâu dày đã thọ nhận từ vô lượng kiếp, đánh lễ Tam Bảo, đánh lễ Mẹ Cha hiện tiền và quá khứ, và đánh lễ Ngài Sariputta. Ngài đã sống mỗi ngày của đời mình như một ngày Lễ Báo Ân: ngày Lễ ngợi ca tất cả ân đức có thể đến với ta trong đời, dù ân đức ấy nhỏ bé như một giọt nước hay bao la đại dương.

Ngài Sariputta để lại một tấm gương giới hạnh vẹn toàn của người con Phật. Ngài là một nhắc nhở triu mến đến lòng tri ân và tình thương bao la đến tất cả chúng sanh, vì chúng sanh nào cũng có thể từng là một “bên kia dây rốn” của ta trong chuỗi dài sanh tử luân hồi.

Tri Kỳ

Cách thành Rajagaha (Vương Xá), xứ Ấn Độ, không bao xa, có hai làng bà-la-môn Upatissa và Kolita nằm cạnh nhau. Trước khi Đức Phật ra đời, hai thiếu phụ dòng dõi ở hai làng cùng thọ thai một ngày và đồng hạ sinh con trai. Vào ngày đặt tên, vì xuất thân từ gia đình đứng đầu của làng, hai cậu bé được nhận tên làng - Upatissa và Kolita - làm tên mình.

Upatissa và Kolita là đôi bạn chí thân từ tấm bé. Họ thường chơi chung, cùng học một thầy, đi thường ngoạn đó đây bên nhau, luận bàn thời sự, trao đổi tâm tư ý nguyện.

Năm nọ, đôi bạn cùng đến Rajagaha tham dự một lễ hội thường niên tưng bừng náo nhiệt. Ngày thứ nhất rộn rã tiếng cười sảng khoái. Ngày thứ hai cũng thế... Sang đến ngày thứ ba, không hiểu vì sao lòng đôi bạn chân tình này cùng trĩu nặng suy tư, buồn man mác. Tiếng cười tắt lịm. Họ ngồi yên lặng nhìn lên sân khấu đang quay cuồng theo từng màn kịch, lời ca, điệu múa bằng một cái nhìn khác, cái nhìn quán sát chiêm nghiệm, chứ không còn bị cuốn hút như trước nữa.

Bỗng nhiên, họ thấy những hình thể trên sân khấu hiển hiện trong tâm tư mình như những bóng ma dật dờ. Chỉ với một cái thấy thật ngắn ngủi, như tia chớp nháy từ đáy nội tâm sâu thẳm, mà họ không bao giờ còn nhìn cuộc đời với cái nhìn vô tư lự như xưa.

Như nhau, họ tự hỏi:

“Có gì để ta đắm đuối ngắm nhìn nơi đây? Rồi một ngày trăm tuổi, những con người này đều sẽ chết. Thật là hoang phí thời gian lao theo những buồn vui trống rỗng, giả tạo, múa men trên sân khấu cuộc đời. Đã đến lúc ta nên đi tìm con đường giải thoát khỏi vòng sanh tử đảo điên này.”

Với mong ước tìm được quả vị Bát Tử cho mình và cho chúng sanh, đôi bạn quyết định lìa bỏ gia đình, sống đời khát sĩ, tầm sư học đạo.

Họ theo học với khát sĩ Sanjaya, một vị đạo sư nổi tiếng ở Rajagaha. Không bao lâu thầy đã truyền dạy cho họ hết sở học của mình. Đôi bạn thất vọng vì quả vị Bát Tử mà họ tìm cầu, chính thầy cũng không sao giảng giải.

Họ lên đường, tìm đến bất cứ nơi nào đồn đãi xuất hiện bậc đại trí hay thánh nhân có thể soi sáng tâm tư nguyện vọng của mình. Thế nhưng, du hành khắp xứ Ấn mênh mông, họ vẫn không gặp một ai trả lời được những câu hỏi của họ. Đôi bạn quay về Rajagaha.

Ngày càng hiểu biết và quý mến nhau, đôi bạn nguyện chia sẻ với nhau tất cả những gì họ có được, kể

cả ánh đạo còn mơ hồ xa thẳm. Kết nghĩa đệ huynh, họ hứa với nhau sẽ cùng tận lực tầm sư học đạo về pháp Bất Tử, và người nào tìm ra trước sẽ thông báo cho bạn mình hay. Lời hứa nguyện ấy không như những thề nguyện thế tục mà xuất phát từ tâm tư chân thành của đôi tri kỷ cao thượng song hành trên lối hướng về Thánh Đạo!

Thiện duyên đến khi Upatissa gặp Đại Đức Assaji, người đệ tử trẻ nhất trong năm vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật, trên đường đi tri bình. Phong thái khiêm cung mà kiên định của Đại Đức khiến tâm Upatissa rung động lạ thường. Về mặt Ngài an nhiên thư thái như mặt hồ tĩnh lặng, nằm êm dưới bầu trời hiền hòa trong sáng.

Cảm nhận đây là một bậc thánh nhân đã chứng đắc được pháp Bất Tử, Upatissa thành tâm đảnh lễ, cung kính khẩn cầu vị khát sĩ thuyết pháp. Vị khát sĩ khiêm tốn cho biết Đức Phật là Bổn Sư của mình, và Pháp Bảo của Người là con đường giải thoát. Rồi Đại Đức đọc cho Upatissa nghe một bài kệ:

*“Vạn vật từ duyên khởi
Bậc Giác Ngộ từng thuyết
Và rồi từ duyên diệt
Đại Đạo Sư đã truyền.”*

Căn cơ chín muồi, trong khoảnh khắc, ánh sáng chân lý bùng sáng trong tâm Upatissa: *Mọi vật đều do duyên mà sinh rồi cũng do duyên mà diệt. Chỉ những gì chưa hề sinh khởi mới không bị hoại diệt bởi định luật này.* Dứt bài kệ, Upatissa đắc Thánh Quả Nhập Lưu.

Ngay sau đó, Upatissa liền nhớ đến Kolita và lời

hứa nguyện thiêng liêng. Ngài hoan hỉ cảm tạ và từ biệt Đại Đức Assaji, trở về tìm bạn báo tin mừng đã tìm được pháp Bát Tử.

Cũng như Upatissa trước phong thái xuất phàm của Đại Đức Assaji, Kolita rúng động trước dáng vẻ trong sáng, an lạc khác thường của người bạn hiền. Sau khi nghe Upatissa thuật lại câu chuyện gặp gỡ vị khất sĩ và đọc bài kệ, Kolita cũng liền giác ngộ Chân Lý vô sanh bất diệt, đắc Thánh Quả Nhập Lưu.

Hoan hỉ trong hương vị Pháp Bảo, hai vị cùng tìm đến nơi Đức Phật cư ngụ, xin thọ giới xuất gia. Đức Phật thân nhận đôi bạn - từ nay được gọi là Sariputta (Xá Lợi Phất) và Maha Moggallana (Mục Kiền Liên) - vào Tăng Đoàn. Không bao lâu sau, cả hai chứng đắc Thánh Quả Arahāt (A La Hán).

Trong vô lượng kiếp quá khứ hai vị Arahāt đã phát đại nguyện trở thành Trưởng Đệ Tử của Đức Phật khi gặp được Người trong kiếp sau cùng. Nguyện xưa thành tựu, hai vị được Đức Phật nâng lên phẩm vị Huynh Trưởng hướng dẫn Tăng Chúng, trở thành cánh tay phải và cánh tay trái Hộ Pháp Trợ Tăng của Đức Thế Tôn.

Sau ngày xuất gia, tình bạn của hai vị góp phần sáng soi thêm con đường tu học và hộ pháp. Họ thường ngụ trong cùng một cốc tịnh xá, nâng đỡ nhau trong pháp hành hay đàm luận Phật Pháp. Những lần luận pháp ấy đã giúp thêm ánh sáng cho Ngài Sariputta trên con đường phát triển đại trí tuệ, cũng như cho chư huynh đệ được chia sẻ hương vị Pháp Bảo.

Dưới sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn, hai vị còn cùng hợp tác hướng dẫn Tăng Đoàn, đem Giáo Pháp đến giảng dạy trong bao cõi Trời và người. Sự hỗ trợ của hai vị trong việc dạy dỗ, huấn luyện các đệ tử đã được Đức Thế Tôn tán thán trong Kinh Saccavibhanga:

“Này chư Tăng, hãy kể cận, theo bước Sariputta và Moggallana! Đó là hai vị Tỳ kheo trí tuệ, hằng giúp đỡ cho đồng đạo. Sariputta như người mẹ thọ sinh hài nhi, và Moggallana như nhũ mẫu nuôi dưỡng trẻ sơ sanh. Sariputta huấn luyện cho đệ tử đắc được quả Thánh Nhập Lưu, còn Moggallana huấn luyện đệ tử đến mục tiêu cao thượng nhất.”

Chú Giải Kinh giải thích thêm về lời tán thán này:

“Khi Ngài Sariputta hướng dẫn đệ tử, dù là học trò mình hay ai khác, Ngài tận tụy nâng đỡ mọi phương tiện vật chất đến tinh thần, chăm sóc lúc ốm đau, chọn lựa đề mục thiền tập. Khi biết họ đã chứng đắc tầng Thánh đầu tiên - Nhập Lưu - và vượt qua khỏi hiểm họa tái sanh vào các cảnh khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula), Ngài cho phép họ rời Ngài vì biết chắc rằng, ‘từ nay họ có thể tự tu tập, thăng tiến, để đạt được những quả vị cao quý nhất.’ Khi an tâm như vậy rồi, Ngài tiếp tục đón nhận và khởi công giáo huấn đệ tử mới.”

“Ngài Moggallana thì khác. Ngài cũng huấn luyện đệ tử với cung cách như vậy, nhưng không rời họ cho đến khi họ đạt được Thánh quả cao quý nhất – Arahāt. Đây là do Ngài theo lời Đức Thế Tôn: ‘Dù tâm chỉ còn một chút còn con vi tế của mầm móng bất thiện, ngăn ngại hơn một cái búng ngón tay, Như Lai cũng không

ngợi khen.”

Hai Ngài còn hợp tác để hóa giải mâu thuẫn trong Tăng Chúng, chấn chỉnh giới luật. Vì vậy, Đức Thế Tôn thường giao phó cho hai vị những trọng trách đặc biệt liên quan đến lục hòa trong Tứ Chúng. Một lần nọ, Người cất đặt hai vị lên núi Linh Thứu thuyết pháp cho năm trăm vị Tỳ kheo trẻ mới gia nhập Tăng Đoàn. Họ đã lầm đường lạc lối vì nghe theo tà thuyết của Devadatta (Đề Bà Đạt Ta). Sau bài pháp, hai vị thức tỉnh được họ, đem tất cả trở về với Đức Bổn Sư và Tăng Đoàn.

Đại Đức Sariputta từng lập lại lời Đức Phật dạy Đại Đức Ananda: *“Đời sống trong sạch của một vị thánh gói ghém tình bạn cao đẹp, tình đồng môn cao đẹp, tình đoàn thể cao đẹp”* (Samyutta Nikaya – Kinh Tương Ưng). Bản thân Ngài là một minh họa hùng hồn cho lời dạy ấy của Đức Bổn Sư.

Thầy Trò

Đức tính biết ơn Thầy Tổ tiềm tàng trong Đại Đức Sariputta từ lúc còn tầm sư học đạo cho đến cuối cuộc đời.

Đạo sĩ Sanjaya là vị thầy của Đại Đức lúc còn đi tìm cầu pháp Bất Tử. Chỉ một thời gian ngắn, Đạo sĩ đã truyền dạy hết các học thuyết của mình cho Ngài. Còn pháp Bất Tử, Đạo sĩ không sao lý giải được. Tuy vậy, luôn biết ơn và kính trọng thầy, trước khi lên đường tìm Đức Thế Tôn để thọ giáo, Ngài đề nghị với Kolita đến báo tin và thuyết phục thầy mình cùng đi.

Vị Đạo sĩ thẳng thắn chối từ:

“Ta đang là thầy của bao nhiêu người. Nếu nay phải trở lại vị thế một đệ tử, có khác nào một bể nước vĩ đại phải đổi đời thành một bình chứa cỏn con. Ta không thể nào sống đời sống một môn đồ được nữa.”

Ngài không nản lòng, tiếp tục thuyết phục vị thầy:

“Bạch Thầy, đừng nghĩ như vậy!”

“Hãy để như vậy thôi, các ông à. Nhị vị có thể đi, nhưng ta thì không.”

“Bạch Thầy! Khi một vị Phật xuất hiện trên đời, người người tìm đến để chiêm bái, cúng dường. Chúng con đây cũng tìm đến Ngài. Rồi việc gì sẽ xảy đến cho Thầy?”

Đạo sĩ Sanjaya trả lời:

“Này các đệ tử, các ông nghĩ sao: trên đời kẻ ngu muội nhiều hơn hay bậc tri thức nhiều hơn?”

“Kẻ ngu muội rất nhiều, thưa Thầy, còn bậc tri thức thật hiếm hoi.”

“Vậy thì, các ông à, hãy để người trí nường tìm bậc trí Gotama (Đức Cồ Đàm), còn người ngu sẽ đến với kẻ ngu muội như ta. Nhị vị hãy đi đi. Ta không đi đâu cả.”

Đôi bạn đành từ biệt Đạo sĩ Sanjaya...

Với một vị thầy thiên trí và làm lạc như vậy mà Đại Đức Sariputta vẫn luôn giữ sự khiêm cung, tôn kính, biết ơn... Huống chi là Ân Sư Assaji, người đã khai tâm cho Ngài qua một bài kệ ngắn ngủi vồn vẹn bốn câu mà hé mở được cánh cửa trí tuệ đưa Ngài vào dòng Thánh, và đem Giáo Pháp Đức Thế Tôn đến với Ngài. Vì vậy, suốt cả cuộc đời, Ngài luôn luôn tỏ rõ lòng kính ngưỡng, tri ân Trưởng Lão Assaji.

Kinh Suttanipata và Chú Giải Kinh Pháp Cú ghi lại rằng, bất cứ lúc nào Đại Đức Sariputta cùng ngụ

trong một tịnh xá với Trưởng Lão Assaji, ngay sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài luôn luôn đến viếng thăm và lễ bái Trưởng Lão, tự nhủ: “ Vị Đại Đức này là vị Thầy đầu tiên của ta. Nhờ người mà ta tìm được Giáo Pháp Đức Phật.”

Còn khi Trưởng Lão ngụ tại một tịnh xá khác, Ngài Sariputta thường hướng về nơi Trưởng Lão đang cư trú, quỳ rạp thân xuống đất, cung kính lễ lạy như Thầy đang ở trước mặt mình vậy.

Tuy nhiên, sự kiện này làm một số chư Tăng hiểu lầm Ngài vì cho rằng: “Đã là một vị Trưởng Đệ Tử mà Sariputta vẫn còn lễ bái các cõi trời! Đến nay mà chưa từ bỏ được những tà kiến Bà-la-môn!”

Khi những lời chỉ trích này đến tai Đức Thế Tôn, Người dạy:

“Không phải như thế đâu, chư Tỳ kheo! Sariputta không lễ bái các cõi trời mà đánh lễ người đầu tiên đã đem Giáo Pháp đến cho mình, kính ngưỡng người ấy như một vị Thầy. Sariputta là người thành kính biết ơn Thầy Tổ.”

Đức tính biết ơn Thầy Tổ này là một cánh sen thơm ngát trong tòa sen trí hạnh viên dung của Ngài Sariputta. Phần nào do đức tính này mà giữa Ngài và Đại Đức Ananda có một sợi dây cảm mến đặc biệt.

Đại Đức Sariputta mến bạn vì nghĩ rằng: “Đại Đức Ananda hằng ngày hầu cận chăm sóc Đức Bổn Sư, đó là một bổn phận mà lẽ ra ta phải chu toàn.” Tình thương mến ấy, vì vậy, không là một quyến luyến bình

thường của thế tục mà do sự cảm kích ân nghĩa đã thay Ngài chăm sóc Đức Bồ Sư - vị Thầy ân đức dày sâu nhất đời Ngài, thêm vào đó là lòng quý mến những phẩm hạnh rất đặc thù của Đại Đức Ananda.

Còn Đại Đức Ananda mến bạn vì Ngài là vị Đại Đệ Tử ưu tú nhất của Đức Thế Tôn.

Có lần Đức Phật hỏi:

“Này Ananda, trong Tăng Chúng có nhiều người cảm mến Sariputta. Con có như vậy không?”

“Bạch Thế Tôn,” Đại Đức Ananda thưa, “ai lại không cảm mến Sariputta, trừ phi là kẻ ấu trĩ, vô hạnh, ngu muội, hay trụy lạc! Sariputta là bậc đại trí tuệ - một trí tuệ quảng bác, thậm thâm. Sariputta có hạnh tri túc, ưa nếp sống vắng lặng, nghị lực kiên cường, có tài biện luận thuyết phục nhưng lại biết lắng nghe, một tấm gương giới hạnh sáng ngời không chút bợn nhơ.”

Bất cứ khi nào Đại Đức Ananda được thọ nhận y áo hay vật dụng tốt, Ngài thường đem biếu Đại Đức Sariputta, và cũng vậy, Đại Đức Sariputta thường dành tặng Đại Đức Ananda những vật dụng được cúng dường đặc biệt đến riêng Ngài.

Lúc biết tin Ngài Sariputta viên tịch, Đại Đức Ananda thổ lộ nỗi tiếc thương bàng hoàng: “*Khi người bạn cao quý đã ra đi, cuộc đời như chìm vào bóng tối.*” (Kinh Theragatha)

Nhưng sau này Đại Đức thêm rằng, khi vị đồng hành khả kính ấy để Ngài ở lại, và Đức Bồ Sư cũng

nhập diệt, không có người bạn nào cao quý như 'người bạn chánh niệm' giúp Ngài quán chiếu thân tâm, hướng dẫn Ngài trên đường tu tập.

Tình đồng môn và trọng trách hướng dẫn Tăng Chúng nối dài thêm sợi dây cảm mến ân đức của nhau giữa hai vị. Sau khi làm lễ xuất gia và ban Sa Di giới cho đệ tử của mình, Đại Đức Ananda thường dẫn họ đến Đại Đức Sariputta để xin Ngài cho thọ các giới cao hơn, như Tỳ Kheo giới. Đại Đức Sariputta, hoan hỷ và tương kính, cũng làm như vậy với Đại Đức Ananda.

Cứ thế mà hai vị có- chung năm trăm đệ tử, để lại cho đời sau một gương sáng về sự viên dung hài hòa tuyệt đẹp của tình thầy trò và nghĩa đệ huynh.

Huynh Đệ

Khiêm tốn, nhẫn nại, từ ái, trong sạch là những bông hoa tươi thắm trong vườn hoa đức hạnh của Ngài Sariputta mà nổi bật nhất có lẽ là đức tính biết ơn không phân biệt tôn ti thứ bậc. Ngài sẵn sàng ghi nhận mọi sự phê bình, sửa sai, khuyên bảo từ bất cứ ai - dù tuổi đời hay tuổi hạ nhỏ đến đâu - không chỉ với sự khiêm cung mà còn với một lòng tri ân chân thành.

Chú giải Kinh Susima thuật rằng, một lần nọ, do thoáng vô ý bất cẩn mà một chéao y nội của Ngài lệch xuống, chạm đất. Một vị sa di bảy tuổi trông thấy, chỉ cho Ngài thấy:

“Bạch Thầy, y phải được quán ngay thẳng quanh thân.”

“Lành thay!” Đại Đức hoan hỉ trả lời.

Đoạn, Ngài liền bước sang một bên, cẩn thận chấn chỉnh y áo, rồi tiến lại vị sa di, cung kính chấp tay nói rằng:

“ Bây giờ đã tề chỉnh rồi, thưa Thầy!”

Câu chuyện này còn được ghi lại qua một bài kệ trong kinh Milindapanha:

*“Nếu có một vị xuất gia lên bảy tuổi
Khuyên bảo tôi, tôi sẽ cúi đầu đón nhận;
Hướng về người, chặt dạ kính ghi ơn;
Suốt đời, người mãi mãi là Thầy tôi.”*

Lòng biết ơn và nhớ ơn những chúng sanh đi qua đời Ngài còn trải dài đến những thí chủ tín tâm, dù giai cấp xã hội hay phẩm vật cúng dường của họ có nhỏ bé khiêm nhường đến đâu đi nữa. Đó là câu chuyện về Đại Đức Radha Thera trong Chú Giải Dhammapada (Kinh Pháp Cú).

Tại Jetavana Vihara (Kỳ Viên Tịnh Xá) ở Savatthi có một người bà-la-môn nghèo khổ, bản hàn tên là Radha tá túc. Ông làm công quả, chăm lo những việc lật vật như nhổ cỏ, quét dọn, và hằng ngày chụ Tăng chu cấp cho ông vật thực để độ sinh. Tuy nhiên, khi ông ngỏ lời xin xuất gia, chư Tăng không ai chịu thọ nhận.

Một ngày nọ, trong lúc quán sát căn cơ của chúng sanh, Đức Thế Tôn thấy người bà-la-môn nghèo này đã đầy đủ phước duyên đắc quả Arahat. Ngài dò hỏi Tăng Chúng có vị nào nhớ đã được ông cúng dường phẩm vật gì hay không. Đại Đức Sariputta thưa rằng, Đại Đức nhớ trong một lần đi hóa duyên ở Rajagaha, người bà-la-môn nghèo khổ này đã cúng dường Đại Đức một vá thức ăn mà ông vừa xin được để nuôi chính thân mình. Đức Bốn Sư dạy Đại Đức Sariputta làm lễ xuất gia cho ông. Đại Đức hoan hỉ vâng lời.

Từ đó Đại Đức nghiêm nhặt hướng dẫn Radha tu học, lập đi lập lại những lời giáo huấn để ông luôn nhớ biết đâu là thiện nghiệp để hành trì, đâu là bất thiện nghiệp mà đoạn diệt. Radha luôn luôn vui vẻ thành tâm ghi nhận tất cả lời dạy dỗ của Thầy, không chút tự ái buồn giận. Không bao lâu, ông đắc Thánh quả Arahāt.

Nhân dịp này, chư Tăng ca ngợi đức tính biết ơn của Ngài Sariputta và còn tán thán Ngài là người luôn hoan hỷ ghi nhận mọi lời chỉ bày, giáo huấn, nên thu nhận đệ tử cũng có được đức tính ấy.

Nghe những ngợi khen này, Đức Phật dạy rằng không chỉ hiện tại mà trong tiền kiếp Đại Đức Sariputta đã có hạnh biết và nhớ bất cứ ân đức nào thọ nhận được. Sau đó Đức Thế Tôn kể lại chuyện tiền thân về một con voi biết ơn (Alinacitta Jataka – Túc Sanh Truyện Thứ 156):

Ngày nọ, khi Đức Phật đang ngụ tại Jetavana Vihara, một vị Tỳ kheo đến bên Ngài và tự thú rằng tâm mình yếu đuối, nhu nhược. Đức Thế Tôn động viên tinh thần ông:

“Này Tỳ kheo, xưa kia Sư đã từng chiến thắng, giành lại cả vương quốc Baranasi, dâng hiến lên một cậu bé sơ sanh. Sư đã làm được do sự quyết tâm kiên định. Giờ đây, với hạnh nguyện hành trì giới luật cao thượng để tìm cầu giải thoát, Sư làm sao có thể yếu lòng, thất niệm?”

Đoạn, Ngài kể câu chuyện tiền thân sau.

Xưa, xưa lắm, khi Brahmadata là quốc vương xứ Baranasi, có một ngôi làng tụ tập những người thợ mộc xây dựng nhà cửa để làm kế sinh nhai.

Mỗi ngày họ chèo thuyền lên thượng nguồn dòng sông, vào rừng sâu, chặt cây, đẽo gọt thành kèo cột, đánh số để lên khung, bó cột lại, khuân vác về thuyền, rồi chờ về thành phố. Họ rất thiện nghệ và kiếm được lợi tức khá khá.

Một hôm, gần khu vực họ làm việc trong rừng, một con voi dẫm nhầm lên một mảnh dằm của cây xiêm gai. Mảnh dằm đâm xuyên qua chân, gây sưng tấy, mưng mủ làm độc, khiến Voi đau đớn cực độ. Khi nghe tiếng những người thợ mộc cưa cây, Voi nghĩ, "Những người thợ mộc này có thể chữa lành chân ta." Cố lê lét thân đau, voi tiến lại gần họ, nằm xuống.

Thoạt tiên, những người thợ mộc rất ngạc nhiên. Nhưng rồi, phát hiện bàn chân sưng phù của Voi, họ chăm soi cẩn thận, thấy được cái dằm gỗ. Họ bèn dùng một chiếc búa bén nhọn cắt quanh dằm, cột dằm vào một sợi dây để kéo ra khỏi chân Voi. Xong, họ trích cạn mủ vết thương, dùng nước ấm rửa sạch, và băng bó cẩn thận, sạch sẽ. Chỉ một thời gian ngắn sau, chân Voi hoàn toàn lành lặn.

Biết ơn cứu mạng của những người thợ mộc, Voi quyết tâm đền đáp bằng cách đỡ đần công việc cho họ. Từ đó về sau, Voi giúp họ bứng cây, kéo gỗ. Mỗi khi họ cần đồ nghề, Voi dùng vòi nhấc các dụng cụ lên, đem đến nơi họ đang làm việc. Vào giờ ăn trưa, những người thợ cung cấp thức ăn cho Voi để Voi khỏi phải đi tìm vật thực.

Một thời gian dài trôi qua, Voi biết mình đã già và không còn có thể tiếp tục phục vụ những người thợ mộc bao lâu nữa. Ngày kia, Voi đem lại con trai của mình, một bạch tượng hùng dũng tuyệt đẹp, đã được huấn luyện thuần thục. Voi nói với những người thợ:

“Con voi niên thiếu này là con của ta. Vì các ông đã cứu mạng ta, ta giao con ta cho các ông. Từ nay, con ta sẽ thay ta phụng sự các ông.”

Sau khi giải thích cặn kẽ tất cả nhiệm vụ phải chu toàn cho con nghe, Voi già một thân một mình quay vào rừng.

Voi trẻ ngoan ngoãn trung thành làm việc, phục vụ cho những người thợ mộc, y như cha mình ngày xưa. Những người thợ cung cấp vật thực cho Voi con, như ngày nào đã nuôi dưỡng Voi cha. Và Voi con ngày một lớn mạnh.

Hằng ngày, sau giờ làm việc, Voi xuống sông tắm rửa trước khi trở về rừng. Con cháu những người thợ mộc thường thích thú lôi kéo chiếc vòi của Voi, bày đủ thứ trò chơi dưới nước, trên bờ để cùng Voi nô đùa.

Dĩ nhiên, người và những loài vật phẩm hạnh không bao giờ tiểu tiện hay đại tiện vào nước sông. Voi cũng vậy, trắng ngần và cao quý, luôn luôn cẩn thận không phóng uế khi ngâm mình trong sông mà chờ cho đến khi lên bờ.

Một ngày mưa tầm tã nặng hạt, nước lũ của sông kéo nửa tảng phân khô của Voi từ trên bờ, cuốn về miệt

hạ lưu. Tảng phân trôi đến Baranasi và kẹt vào một bụi cây, ngay nơi những người quản tượng của nhà vua dẫn năm trăm voi đến tắm.

Khi những con voi này ngửi được mùi phân của con voi trẻ cao quý, chúng không dám xuống sông. Thay vào đó, chúng dương đuôi, quạt tai và chạy đi nơi khác.

Nghe quản tượng thuật lại sự việc, những người huấn luyện voi đoán biết có một vật đặc biệt ở trong dòng nước. Họ ban lệnh lùng kiếm khắp con sông, và rồi tảng phân được tìm thấy trong bụi cây. Họ nghiền phân thành bột, trộn với chút nước, rắc lên lưng những con voi khác. Bột này khiến chúng bỗng nhiên mang một mùi thơm ngọt ngào dễ chịu, và chúng lập tức ngâm mình xuống sông tắm rửa.

Bấy giờ, những người huấn tượng quả quyết rằng phân kia phải xuất phát từ một con voi vô cùng cao quý. Họ trình lên Vua và khuyên Ngài nên tìm bắt con voi ấy cho triều đình.

Vua truyền lệnh sửa soạn thuyền bè và lên đường về hướng thượng lưu sông. Khi Vua đến nơi những người thợ mộc lập nghiệp, ngài thấy con voi trẻ đang chơi đùa dưới nước. Vừa thoáng nghe tiếng trống lệnh của Vua, Voi liền ra khỏi dòng sông, đến đứng kề bên những người thợ mộc. Tất cả cùng kính cẩn đánh lễ Vua.

“Tâu Thánh Thượng,” họ thưa, “nếu Ngài cần chúng tôi làm việc gì cho Ngài, Ngài không cần phải ngự giá đến đây. Ngài có thể truyền lệnh, và chúng tôi

sẽ đến dâng lên Ngài.”

“Không, các khanh à,” vua nói, “ta đến đây không để lấy gỗ mà để thu nhận con voi này.”

“Tâu Thánh Thượng, Voi nay là của ngài!” Họ lập tức vâng lệnh, nhưng Voi thì không chịu di dịch.

Vua trực tiếp hỏi Voi:

“Khanh muốn ta phải làm gì?”

“Bạch Thánh Thượng, Ngài hãy ban lệnh trả công những người thợ mộc đã nuôi dưỡng tôi,” Voi trả lời.

“Sẵn sàng, khanh à!”

Vua truyền đem hàng trăm ngàn quan tiền chất đống chung quanh voi, đuôi và bốn chân Voi. Nhưng vẫn chưa đủ, Voi vẫn từ chối, không chịu nhích chân. Vua bèn chu cấp thêm quần áo, tiền bạc cho những người thợ mộc và cả gia đình họ.

Hài lòng vì những người bạn của mình nay có thể sống sung túc dù không còn sự giúp đỡ của mình nữa, Voi chào từ biệt những người thợ mộc và vợ con họ, cùng Vua lên đường.

Kinh thành được trang hoàng tráng lệ để nghênh đón Voi. Vua cỡi tượng, cùng đám rước, uy nghiêm diễu hành quanh phố xá, rồi đưa Voi về một chuồng voi tuyệt đẹp, đầy đủ tiện nghi.

Voi phụng sự Vua như một chiến hữu. Không một ai khác được phép cỡi Voi. Với sự giúp sức của

Voi, Vua chiến thắng lấy lòng, xưng bá cả nước Ấn Độ.

Sau đó một thời gian, Chánh Hậu của Vua thọ thai. Khi bà sắp sinh nở thì Vua băng hà.

Ai ai cũng biết rằng, nếu hay tin Vua qua đời, Voi sẽ tan nát tâm can vì đau đớn. Vì thế người ta vẫn chăm sóc Voi như thường lệ, nhưng không hề hé môi tiết lộ nửa lời.

Tin đồn về cái chết của Vua nhanh chóng lan đến tai vua xứ Kosala. Ông nghĩ: “Baranasi chắc chắn thuộc về ta rồi!”, và ông quyết định tấn công vương quốc này. Ông thân chinh thống lãnh đại quân, bao vây kinh thành.

Dân chúng Baranasi đóng chặt cửa thành và gọi thông điệp đến ông:

“Hoàng Hậu Baranasi sắp lâm bồn, các chiêm tinh gia đã tiên đoán rằng, trong bảy ngày nữa Hoàng Hậu sẽ hạ sanh một bé trai. Nếu quả thật Lệnh Bà sanh hoàng nam, chúng tôi mới chiến đấu bảo vệ vương quốc. Xin cho chúng tôi bảy ngày.”

Vua xứ Kosala ưng thuận.

Đúng như lời tiên tri, vào ngày thứ bảy, một bé trai chào đời. Vì cậu sanh ra để thu phục nhân tâm, Hoàng Hậu đặt tên cậu là Alinacitta, có nghĩa là ‘người đem lại niềm cảm kích.’

Trong ngày ấy, quân lính vùng dậy, mở cuộc chiến chống lại vua xứ Kosala. Tuy nhiên, vì không có người thống lãnh, quân lính bị đánh lụi và bắt đầu nao

núng tinh thần.

Ngay sau khi cuộc chiến mở màn, sứ giả về trình tấu lên Hoàng Hậu:

“Quân ta phải rút lui. E rằng chúng ta sẽ thất trận. Vương Tượng, chiến hữu trung thành của Cố Hoàng Thượng, cho đến giờ vẫn chưa biết tin Vua đã băng hà, tin Hoàng Tử vừa được hạ sanh, và kinh thành đang bị vua xứ Kosala vây hãm. Đã đến lúc ta nên báo tin cho Voi chăng?”

“Phải, đã đến lúc rồi,” Hoàng Hậu trả lời.

Bà nhanh chóng thay y phục cho hài nhi, quấn cậu bé trong khăn gấm, và cùng toàn thể triều thần đi đến chuồng Voi. Nơi đây, Hoàng Hậu đặt hài nhi dưới chân Voi, nói rằng:

“Chú Tướng! Chiến hữu của Ngài, Đức Vua, đã qua đời, song chúng tôi sợ trái tim Ngài sẽ vỡ nát vì đau đớn nên không dám báo hung tin. Đây là đứa con trai mới chào đời của Đức Vua. Hiện nay vua xứ Kosala đang vây hãm kinh thành của chúng ta và gây chiến. Quân ta phải rút lui. Hoặc tự thân giết chết con trai của Ngài đi, hoặc giành chiếm lại vương quốc cho con Ngài!”

Voi vuốt ve cậu bé với chiếc vòi của mình và nhẹ nhàng nâng cậu lên, đặt trên đầu mình. Rồi trong nỗi đau đớn tiếc thương cố chủ, Voi ôm lấy cậu và đặt cậu vào tay người mẹ.

Voi nói với quan quân khoác chiến bào cho mình và chuẩn bị tiến quân. Họ mở cửa thành, hộ tống Voi

lâm trận. Bạch Tượng oai nghi hào hùng rống tiếng. Khí thế lẫm liệt dũng mãnh của Voi làm quân xâm lăng kinh ngạc, sợ hãi và tháo chạy.

Trong lúc bại quân tán loạn rút lui, Voi túm được búi tóc của vua xứ Kosala, bắt giữ ông. Voi mang người tù nhân này đến bỏ bên chân vị Thái Tử trẻ. Quân lính đổ xô lại định giết ông, nhưng Voi ngăn cản họ.

“Hãy cẩn thận trong tương lai,” con voi cao quý khuyên răn vị vua đang bị cầm tù. “Đừng bao giờ mạo muội cho là có thể giành được lợi thế vì Thái Tử của chúng tôi còn thơ trẻ.”

Rồi Voi phóng thích ông.

Alinacitta dâng quang năm lên bảy tuổi. Cũng như cha mình, Ngài trị vì trọn bờ cõi Ấn Độ, và không còn một kẻ thù địch nào dám nổi dậy quấy nhiễu nữa. Triều đại của Ngài công minh và nhân ái. Khi từ già kiếp sống, Ngài lên cõi trời và rạng danh nơi ấy.

Để kết thúc bài pháp, Đức Thế Tôn dạy rằng, bất cứ một vị tỳ kheo nào chí nguyện dũng mãnh và nương tâm kiên định nơi Tam Bảo cũng sẽ chiến thắng, như con voi kiên quyết ngày xưa ấy. Sau khi Ngài khẳng định Chân Lý này, vị Tỳ kheo tâm yếu đuối - với căn cơ nay đã chín muồi - đại ngộ và đắc quả Arahat.

Giải thích các tiền thân, Đức Phật cho biết: “Hoàng Hậu Mahamaya thuở ấy là người mẹ. Vị Tỳ kheo này đây chính là voi con, đã chiến thắng và dành lại được vương quốc cho cậu bé. Sariputta là voi cha. Còn vị thái tử trẻ là tiền thân của Như Lai ngày nay vậy.”

Thi Ân

Nếu lòng biết ơn nặng trĩu một bên cán cân ân đức trong đời Ngài Sariputta, thì cán cân bên kia cũng chòng chát những lần “thi ân” tận tụy, dịu dàng. Ở đây “thi ân” đặt trong ngoặc kép vì không phải là những ban ơn bình thường của thế tục với tính toán thiệt hơn, mong cầu đáp trả.

Trong thánh tâm trong sạch, Ngài không thấy mình là người ban ơn. Chỉ là một cội cây râm mát, che nắng chỡ mưa cho vạn vật dưới tàng, vô điều kiện. Và như vậy, việc Ngài tự nguyện chia sẻ, giúp đỡ, chăm sóc những người quanh Ngài là việc tự nhiên như nước trên nguồn cao chảy về sông trăm nhánh, tươi mát và dưỡng nuôi đồng bằng.

“Đại Đức Sariputta cung ứng cho huynh đệ cả hai nhu cầu: amisanuggaha (vật dụng) và dhammanuggaha (Pháp dụng).”

Devadaha Sutta

Đại Đức không đi trì bình lúc sáng sớm như những vị tỳ kheo khác. Thay vào đó, khi tất cả huynh đệ đã lên đường, Ngài đi quanh khắp tịnh xá. Nơi nào

chưa quét dọn, Ngài quét dọn. Nơi nào rác rưởi chưa đổ đi, Ngài đem đi đổ. Nơi nào vật dụng như giường chiếu, bàn ghế, bình nước, chén ly chưa bày biện gọn gàng, Ngài sắp đặt lại.

Ngài làm thế không chỉ vì muốn giúp đỡ huynh đệ, mà còn để giữ gìn nơi ăn chốn ở của chư Tăng lúc nào cũng được sạch sẽ ngăn nắp. Có như vậy, khi những du sĩ ngoại đạo đến viếng thăm tịnh xá, họ sẽ không vì thấy cảnh hỗn độn mà có ấn tượng không tốt về Tăng Chúng.

Sau đó Ngài đi đến bệnh xá, ân cần vấn an người bệnh và hỏi han các nhu cầu của họ. Để đáp ứng, Đại Đức dắt các vị sa di trẻ đi tìm thuốc men cùng Ngài. Có khi Ngài dùng phương tiện khác thực như thường lệ; có khi Ngài đến những nơi thích ứng, thuận thời - như các thí chủ đã ứng tiếng trước với thiện tâm cúng dường đến các chư Tăng đang lâm bệnh.

Xin được thuốc xong, Ngài giao cho các sa di, dặn dò: “Chăm sóc cho người bệnh là một hạnh lành mà Đức Bổn Sư hằng khen ngợi. Các con đem thuốc về ngay nhé, và hãy phục vụ tận tụy, hết lòng!” Rồi Ngài tiếp tục đi trị bình hoặc thọ trai ở nhà một thí chủ.

Đó là sinh hoạt thường nhật của Đại Đức khi đang an cư ở một tịnh xá nào đó.

Nhưng mỗi khi bộ hành cùng với Đức Thế Tôn trong đoàn, Ngài không bao giờ đi dẫn đầu, không mang dép che dù ra về “Ta đây là Trưởng Tử”. Ngược lại, Ngài giao y bát của Ngài cho các sa di trẻ, và để các vị đi trước cùng đoàn.

Rồi Ngài đến cạnh những người già yếu, đau bệnh, những vị đệ tử nhỏ tuổi nhất, hay vừa mới gia nhập Tăng đoàn, đỡ dần chăm sóc họ, chỉ dẫn họ thoa bóp, xức dầu vào những chỗ đau nhức trên thân. Khi nào họ thuyên giảm - dù mất vài giờ, một buổi hay trọn cả ngày - Ngài mới cùng lên đường với họ.

Do luôn quan tâm đến huynh đệ như vậy, lần nọ Đại Đức đến nơi nghỉ rất trễ. Hôm ấy lại có một nhóm tỳ kheo non giới hạnh vội vã tới trước, giành hết các chỗ thanh sạch. Nhiều vị Trưởng Lão đến sau không còn chỗ nghỉ ngơi thích ứng, trong đó có Ngài Sariputta. Đệ tử của Ngài cố gắng nhưng vẫn không tìm được cho Thầy nơi tạm cư. Ngài giảng y làm lều, ở dưới một gốc cây qua đêm. Biết được sự kiện này, Đức Bổn Sư đặt ra điều luật: *"Nơi tạm cư phải được sắp đặt theo thứ bậc."* (Vinaya Pitaka)

Thỉnh thoảng, Đại Đức Sariputta cung ứng cả vật dụng và Pháp dụng cùng một lúc.

Theragatha (Trưởng Lão Tăng Kệ) ghi rằng, một hôm, Đại Đức đến bệnh xá viếng thăm thầy tỳ kheo Samitigutta, lúc ấy đang bị chứng phong cùi hoành hành, thân đau khôn cùng. Ngài triu mến nói với sư đệ của mình:

"Hỡi hiền đệ, khi nào ngũ uẩn (khandha) còn tồn tại, tất cả cảm thọ đều là đau khổ, bất toàn. Chỉ khi nào ngũ uẩn tan rã, đau khổ mới thật sự chấm dứt."

Sau khi căn dặn bạn hành thiền, dùng đề mục cảm thọ để quán tưởng, Ngài ra về. Thầy Samitigutta theo lời Ngài chỉ bày, tinh tấn hành thiền và không bao

lâu đã phát triển minh sát tuệ, chứng đạt Lục Thông của Thánh quả Arahāt.

Khi Trưởng giả Anathapindika (Cấp Cô Độc) - một đại thí chủ thuần thành - lâm bệnh, đầu đau nhức cực kỳ như búa bổ, Ngài Sariputta đến nhà ông thăm hỏi và thuyết pháp.

Ngài an ủi, nhắc nhở rằng, là một vị Thánh Nhập Lưu, ông dứt khoát đã đoạn diệt được những tà kiến và vô hạnh nghiệp đọa chúng sinh vào cảnh khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula. Để được quả vị ấy, ông từng viên mãn thành tựu bốn dự lưu pháp: Chánh Tín nơi Phật, Pháp, Tăng, và thành tựu Thánh giới.

Do vậy, đã nhập vào dòng Tám Thánh Đạo cao quý, ông không bao giờ còn phải sa vào bốn ác đạo, chỉ còn bảy lần qua lại kiếp người hay trời, chắc chắn sẽ tiếp tục trên con đường thoát khổ, hướng đến Chánh Giác, chứng đạt quả vị Niết Bàn, và chấm dứt dòng sinh tử luân hồi.

Lắng nghe lời thuyết giảng hợp cơ, hợp thời của Trưởng Lão Sariputta, Anathipindika vô cùng hoan hỷ. Một niềm an lạc tràn dâng trong tâm, xoa dịu những nỗi đau trên châu thân. Như được uống một liều Pháp Dược diệu kỳ, ông khỏi bệnh. (Sotapatti Samyutta - Kinh Tương Ưng Nhập Lưu)

Về sau, lúc hấp hối, Anathapindika xin Trưởng Lão Sariputta nhủ lòng từ bi đến thăm ông. Cùng với Trưởng Lão Ananda, Ngài lập tức đến viếng ông bên giường bệnh.

Rồi Ngài thuyết cho ông nghe về sự cắt ái đoạn dục. Ngài dạy người đệ tử tại gia này rằng, đời sống là một chuỗi nhân duyên trùng điệp của lục căn, lục trần; của khối ngũ uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành, thức; của những hiện tượng phù du, giả hoặc, vô thường mà quan kiến thế gian cho là hằng thường, tốt đẹp. Đừng bám víu, nương náu vào nó! Hãy sáng suốt nhìn thấy chân tướng của luyến ái mà dũng mãnh buông bỏ! (Majjhima Nikaya - Trung Bộ Kinh)

Khi Ngài giảng xong, Anathapindika xúc động không ngăn được dòng nước mắt. Ngài Ananda ngạc nhiên, hỏi vì sao ông khóc, có phải vì ông không chịu đựng nổi những cơn đau không. Ông trả lời:

"Thưa không. Con khóc vì xúc động bởi bài pháp thâm diệu sâu sắc mà con chưa từng bao giờ được nghe qua trong đời."

Sau đó không bao lâu, Anathapindika lìa đời, vắng sanh vào cung trời Tusita (Đâu Suất).

Cứ như vậy, Ngài Sariputta tận tụy làm bổn phận đạo sư cho những người đau yếu, những ai cần Ngài lúc sắp trút hơi thở cuối cùng. Đến bên giường bệnh, Ngài đem theo dược phẩm và lời hỏi han an ủi của một người bạn chân thành. Ngài còn đem theo Pháp Bảo và lòng từ bi vô lượng của một vị thầy cao quý.

Chuyện nhỏ và chuyện lớn, đơn giản hay khó khăn, vật dụng hay Pháp dụng, Ngài luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ tất cả mọi người. Đặc biệt, khi cung ứng Pháp dụng, Ngài có một lòng kiên nhẫn phi thường. Ngài luôn cố công khuyên nhủ, giảng giải, lập đi lập lại cả trăm

lần, ngàn lần, cho đến khi nào ánh sáng trí tuệ cao thượng khởi trụ trong tâm người nghe. Với đệ tử của Ngài, trí tuệ đó ít phải nhất là quả vị Nhập Lưu.

Không chỉ vậy, Ngài còn hỗ trợ nhiều huynh đệ tu tập để chứng đạt những quả vị cao hơn trong dòng Thánh. Trong đó có Trưởng Lão Lakuntika Bhadiya. Trưởng Lão từ Nhập Lưu phần, nhờ tu tập theo các đề mục thiền định do Ngài Sariputta lựa chọn và hướng dẫn mà đắc Arahat. (Udana – Kinh Phật Tự Thuyết)

Là một người bạn chân thành và biết cách triển khai những cái hay đẹp, ưu điểm cao quý nhất của bằng hữu mình, Ngài không ngần ngại góp ý xây dựng, thẳng thắn chỉ rõ cho bạn những sai lầm để tránh bỏ mà thăng tiến tâm thức. Đó là khuôn mẫu của một thiện hữu, một người bạn lý tưởng mà Đức Thế Tôn thường giảng dạy.

Với sự thành tâm đó, Ngài Sariputta đã giúp Đại Đức Anuruddha (A Nậu Ra Đà) bề gãy những chướng ngại tâm cuối cùng, chứng đắc Niết Bàn.

Lần ấy Đại Đức Anuruddha đến thăm Đại Đức Sariputta. Sau khi chào hỏi và an tọa, Đại Đức Anuruddha hỏi bạn:

“Này hiền hữu Sariputta, với Thiên Nhân Thông siêu phàm, tôi có thể nhìn thấy hàng vạn thế giới trong vũ trụ. Lực dũng mãnh, bất thối. Niệm bén nhạy, sáng tỏ. Thân yên bình, tự tại. Tâm an định và kiên trụ. Vậy mà tâm tôi vẫn chưa giải thoát được khỏi ô nhiễm và dính mắc.”

“Hiền hữu Anurudda,” Đại Đức Sariputta nói,

“bạn nghĩ đến thiên nhân của mình, đó là sự tự phụ, ngã mạn trong tâm. Nghĩ đến lực dũng mãnh, niệm bén nhạy, thân tự tại, tâm an định, đó là nổi bồn chồn, bất an trong tâm. Nghĩ đến tâm chưa giải thoát khỏi ô nhiễm, đó là niềm lo âu, phiền não trong tâm. Thật ra, điều tốt nhất cho bạn là xua đuổi ba bất thiện tâm này đi, đừng chú ý đến nó, chỉ nỗ lực hướng tâm vào đề mục bất tử, cứu cánh Niết Bàn.”

Nghe lời khuyên giải của Ngài Sariputta, Đại Đức Anuruddha trở về tịnh cốc ẩn tu đơn độc, tinh tấn hành thiền, kiên trì dũng mãnh đoạn trừ ba chướng ngại tâm mà người bạn hiền đã chỉ rõ. Trong thời gian này, với Tha Tâm Thông, Đức Thế Tôn biết được những nỗ lực và tiến bộ trên đường tu tập của Đại Đức Anuruddha. Ngài hiện đến bên Đại Đức để hỗ trợ, sách tấn và làm sáng tỏ thêm các pháp hành trì.

Không lâu sau, giữa mùa mưa ở Trúc Lâm, trong tịnh cốc đơn độc, Đại Đức Anuruddha cuối cùng đã vượt thắng, nhổ sạch gốc rễ ô nhiễm trong tâm, chứng ngộ quả vị Arahāt - quả vị giải thoát cao thượng nhất. (Anguttara Nikaya - Tăng Chi Bộ Kinh)

Mùa mưa nhưng tâm Ngài trong sáng ánh mặt trời trí tuệ. Đơn độc nhưng lòng Ngài an lạc, ấm áp ân đức của Thầy, của bạn.

Người Đối Nghịch

Lòng từ ái của Ngài Sariputta như nước trên nguồn cao chảy về dòng sông trăm nhánh trong đó có những nhánh của người đối nghịch. Nguồn nước vô sân trong mát chan hòa khắp nơi, oán thân bình đẳng, không phân biệt bằng hữu hay đối nghịch.

Trong một lần giảng pháp tại Jetavana Vihara, Đức Phật ca ngợi hạnh nhẫn nại và chịu đựng phi thường của Ngài Sariputta.

Tiếng đồn vang xa. Ngày nọ, một nhóm người bàn tán với nhau rằng:

“Với đức tính đó, nếu ai sỉ nhục hay đánh đập Ngài, tâm Ngài cũng không dậy lên một mảy may sân hận.”

Một người Bà-la-môn vốn nặng tà kiến ngã mạn đi ngang qua, hỏi vặn:

“Ai là người không bao giờ nóng giận?”

“Đó là Trưởng Lão Sariputta của chúng tôi,” họ trả lời.

Người Bà-la-môn bắt bẻ:

“Tại vì chưa ai chọc giận ông ta bao giờ thôi. Để đó cho tôi. Tôi biết cách khiêu khích ông ta.”

Khi Ngài Sariputta vào thành phố khát thực, người Bà-la-môn tiến về phía sau Ngài và thỉnh linh vung tay đâm vào lưng Ngài thật hung hãn.

Trưởng Lão vẫn bình thản đều bước, không hề quay lại. Ngài điềm đạm hỏi:

“Cái gì vậy kia?”

Niềm hổ thẹn và hối hận dâng tràn, người Bà-la-môn phủ phục dưới chân Trưởng Lão, cầu xin Ngài tha thứ lỗi lầm.

Ngài hiền hòa hỏi ông:

“Lỗi làm chi?”

Người Bà-la-môn sám hối:

“Con đã lên đánh Ngài để thử lòng nhẫn nhục của Ngài.”

“Lành thay! Sự tha thứ cho ông.”

“Bạch Ngài, nếu Ngài tha thứ cho con, kính thỉnh Ngài đến nhà con để con được cúng dường.”

Trưởng Lão im lặng nhận lời. Người Bà-la-môn cung kính nâng bình bát của Ngài và theo hầu Ngài về nhà mình.

Nhưng những người chứng kiến cảnh ông xúc phạm vị Thánh Tăng phạm hạnh vô cùng phẫn nộ. Họ đem gậy đá đến tụ tập trước nhà ông, chuẩn bị một cuộc hành hung.

Khi thấy người Bà-la-môn mang bát theo sau chân Ngài Sariputta xuất hiện, họ cùng la lên:

“Bạch Ngài, xin Ngài hãy đuổi ông Bà-la-môn này đi! Ông ta đã đánh đập Ngài. Chúng con sẽ trừng phạt ông ta đích đáng.”

Ngài Sariputta ôn tồn hỏi:

“Sao lại như vậy? Ông ấy đánh quý vị hay đánh Sư?”

“Bạch Ngài, Ngài là người bị đánh.”

Mỉm cười khoan dung, Ngài nói:

“Nếu ông ấy đánh Sư thì ông cũng đã sám hối với Sư, và Sư tha thứ cho ông rồi. Quý vị hãy hoan hỉ lui về!”

Khuyên nhủ từ ái của Ngài dập tắt lửa sân hận. Khí giới buông xuống. Mọi người đánh lễ Ngài rồi im lặng giải tán. Người Bà-la-môn được yên lành trở về nhà. (Dhammapada - Kinh Pháp Cú 389-390)

Cứ như thế lòng hỷ xả vô lượng của Ngài giăng trải đến mọi chúng sanh, kể cả người cố tâm vu oan hãm hại mình.

Lần ấy Đức Phật cùng chư Tăng đang ngụ tại Jetavana Vihara. Ra hạ, mùa mưa chấm dứt, Trưởng Lão Sariputta đánh lễ từ biệt Đức Bổn Sư rồi cùng các đệ tử của mình chuẩn bị du hành hoằng pháp. Nhiều chư Tăng cũng đến tiễn từ Trưởng Lão.

Lúc tiễn chân huynh đệ, Ngài gọi từng người bằng tên họ riêng. Trong số đó có một vị Tỳ kheo thiết tha mong Ngài cũng gọi ông như vậy, nhưng oái oăm thay, Ngài lại không biết họ tên ông. Điều này khiến ông căm giận, cho rằng Trưởng Lão thiên vị và không xem trọng ông như những vị Tăng khác.

Đã vậy, khi Trưởng Lão đi ngang qua, chéo y của Ngài lướt chạm vào vị Tỳ kheo. Điều ấy như dầu đổ thêm vào lửa sân hận trong lòng ông. Ông lập tức đến phàn nàn cùng Đức Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, Đại đức Sariputta nghĩ mình là Trưởng Đệ Tử nên tát con gần bề tai rồi bỏ đi, không một lời xin lỗi.”

Đức Phật cho gọi Trưởng Lão Sariputta. Khi ấy, biết rõ đây là một vụ cáo oan, Ngài Moggallana và Ngài Ananda triệu tập chư Tăng:

“Mời chư huynh đệ đến đây. Khi Đại Đức Sariputta đối diện trước Đức Bổn Sư, Ngài sẽ nói lên sự thật. Tiếng nói của sự thật sẽ oai nghi dũng mãnh như tiếng rống của một con sư tử.”

Khi Đức Thế Tôn hỏi cơ sự, thay vì phản đối lời vu khống, Ngài Sariputta nói:

“Bạch Thế Tôn, chỉ có ai không kiên định chánh niệm quán thân trong thân mới có thể gây thương tổn cho huynh đệ của mình rồi lảng lạng bỏ đi, không một lời xin lỗi.”

Rồi, tiếng rống sư tử rền vang. Ngài so sánh tâm vô sân của Ngài như mặt đất bình thản đón nhận bao nhiêu vật sạch và vật dơ người ta liệng bỏ; nhẫn nại như con trâu đã cưa sừng, như trẻ đưa trẻ bụi đời thấp hèn, như miếng giẻ lau bụi bặm, như nước, như lửa và như gió; thân chịu áp bức như loài rắn rít bò sát và thi hài; cưu mang xác thân mình như cưu mang những cục u sần sùi.

Kinh điển ghi lại rằng, khi Ngài Sariputta mô tả công hạnh của mình với chín lần so sánh, chín lần đại địa đã rung động để xác minh sự thật của lời Ngài. Hùng lực ấy rung động cả Đại Chúng.

Hối hận dâng tràn, vị Tỳ kheo vu khống Trưởng Lão quý mọp dưới chân Đức Phật thú nhận tội cáo gian. Đức Thế Tôn nói với Trưởng Lão:

“Này Sariputta, hãy tha thứ cho vị Tỳ kheo đại đột này kéo đầu ông ấy bị vỡ làm bảy mảnh.”

Trưởng Lão Sariputta chấp tay cung kính đáp lời:

“Bạch Thế Tôn, đệ tử sẵn sàng tha thứ cho Sư ấy. Và xin Sư ấy cũng tha thứ cho đệ tử nếu có làm Sư phiền lòng điều chi.”

Và như vậy hai huynh đệ giải hòa.

Đại Chúng ngưỡng mộ, tán thán Ngài Sariputta:

“Xem này, chư huynh đệ, phẩm hạnh xuất phàm của Trưởng Lão! Ngài không mảy may oán giận vị Sư gian dối này. Ngược lại Ngài còn hạ mình, cung kính chấy tay xin lỗi Sư ấy nữa.”

Nghe những lời ca ngợi này, Đức Phật dạy:

“Này chư Tỳ kheo, một vị Tỳ kheo như Sariputta không thể nào có sân hận trong tâm. Như đại địa, như trụ thành, vị ấy nhẫn nại, chịu đựng và kiên định; như nước hồ không bùn nhơ, vị ấy an tịnh và trong sạch .”

Và Đức Thế Tôn nói bài kệ sau:

*“Như đất không hiểm hận
Như cột trụ kiên trì
Như hồ không bùn nhơ
Không luân hồi, vị ấy.”*

Dhammapada (Kinh Pháp Cú 95)

Bồn Sư

Một ngày cuối mùa an cư kiết hạ, Đức Thế Tôn trở về Jetavana Vihara. Năm ấy cũng gần lúc Người nhập Đại Niết Bàn (Parinibbana). Dù tâm lúc nào cũng minh mẫn hùng lực, thân ngài giờ đã mệt mỏi. Người tám mươi tuổi rồi. Gần bốn mươi lăm năm Người bộ hành khắp xứ Ấn, thuyết pháp và hóa duyên không ngừng nghỉ, chỉ trừ mùa mưa hằng năm.

Hay tin Đức Bồn Sư về, Trưởng Lão Sariputta đến vấn an, đảnh lễ Người, rồi quay trở lại tịnh cốc.

Không biết bụi đường trên y áo Đức Bồn Sư có dày hơn mọi lần, những bước chân chậm đi nhiều, dáng Người già yếu hẳn, hay những nếp da nhăn rõ rệt quá, mà trong ánh mắt Trưởng Lão nhìn Thầy mình sao thoáng ánh suy tư.

Và, không như thường nhật, hôm ấy Trưởng Lão không ra ngoài. Ngài tham thiền, nhập Arahat quả định (arahattaphala-samapatti).

Sau khi xả thiền, bắt chợt Ngài tự hỏi:

“Đức Thế Tôn sẽ nhập diệt trước hay sau các Đại Đệ Tử?”

Ngài quán chiếu và biết rằng, các Đại Đệ Tử nhập diệt trước. Ngài còn thấy được xác thân tứ đại của chính Ngài đang đến lúc tan rã, chỉ còn chịu được thêm một tuần nữa mà thôi. Rồi Ngài suy ngẫm xem mình sẽ nhập Đại Niết Bàn ở nơi nào.

Có hai loại Niết Bàn: Sopadisesa Nibbana (Hữu Dư Niết Bàn) còn ngũ uẩn, và Anupadisesa Nibbana (Vô Dư Niết Bàn) không còn ngũ uẩn. Vị Arahán đã tận diệt tất cả phiền não, nhưng vẫn còn có thân và tâm do quả của nghiệp quá khứ.

Vì thế, Niết Bàn mà vị Arahán chứng ngộ lúc sanh tiền là Hữu Dư Niết Bàn vì vẫn còn ngũ uẩn. Hữu Dư Niết Bàn còn được gọi là Phiền Não Niết Bàn – Kilesa Parinibbana, có nghĩa là ‘hoàn toàn diệt tất phiền não’.

Khi vị Arahán chết thì ngũ uẩn tan rã. Sự chấm dứt này là Vô Dư Niết Bàn, còn được gọi là Ngũ Uẩn Niết Bàn – Khanda Parinibbana, có nghĩa là ‘hoàn toàn tận diệt ngũ uẩn’.

Khi đang quán chiếu những điều này thì Trưởng Lão Sariputta nhớ đến Mẹ. Ngài tự nhủ:

“Mặc dù là mẹ của bảy vị Arahán (Ngài có ba em trai, ba chị em gái; cả sáu người đều xuất gia, đắc quả Arahát), vậy mà Mẹ không có chút tín tâm vào Phật, Pháp, Tăng. Không biết đã đến lúc Mẹ đủ căn cơ và thiện duyên để có thể thành tựu được chánh tín đó hay

chưa?”

Dùng Tuệ Nhân, Trưởng Lão Sariputta thấy biết được ngày ấy đã đến, và người cứu độ được Mẹ chính là Ngài. Vì vậy, Ngài quyết định sẽ về lại quê hương - làng Nalaka - hóa duyên cho Mẹ để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục, và nhập Đại Niết Bàn ngay trong căn phòng ngày xưa Mẹ đã sinh ra Ngài.

Không còn thời gian trì hoãn nữa, Ngài nghĩ: “Ngay ngày hôm nay ta sẽ xin Đức Bổn Sư cho ta chuẩn bị nhập diệt.” Đoạn, Ngài dặn Trưởng Lão Cunda - lúc ấy là thị giả của Ngài - gọi năm trăm chư Tăng chuẩn bị y bát, cùng Ngài về Nalaka.

Ngay sau đó, cùng chư vị Tỳ kheo, Trưởng Lão Sariputta lập tức đến gặp Đức Bổn Sư, đánh lễ Người và thưa:

“Bạch Đức Thế Tôn, cầu xin Ngài hãy cho con được phép nhập Đại Niết Bàn. Giờ phút ấy đã đến với con. Kiếp sống cuối cùng này sắp chấm dứt.

*Bạch Thầy! Đấng Pháp Vương vô thượng!
Con sắp thoát khỏi đời trần thế,
Không bao giờ còn đi và về.
Đây lần cuối, quỳ chiêm bái Thầy.
Kiếp người còn ngắn ngủi bấy ngày,
Rồi tẩm thân tứ đại hôm nay
Nằm xuống, trút gánh nặng trầm luân.
Hãy cho phép con, Thầy yêu kính!
Nhập Niết Bàn, giây phút ấy đây.
Kiếp sống cuối đến ngày đoạ diệt.”*

Kinh điển ghi lại rằng, nếu Đức Thế Tôn trả lời: “Nhu Lai cho phép Đại Đức nhập Niết Bàn,” những giáo pháp thù nghịch sẽ cho rằng Người tuyên dương sự chết. Còn nếu Người trả lời: “Đừng nhập Niết Bàn,” họ lại cho rằng Người tán đồng sự tiếp tục của tồn tại, thường còn. Do đó, Đức Thế Tôn không nói cho phép hay không, mà hỏi người đệ tử chọn nơi đâu để viên tịch. Ngài Sariputta trả lời là quê hương mình, nơi chôn nhau cắt rốn.

Đức Thế Tôn dạy:

“Sariputta, hãy thực hành những gì Đại Đức nghĩ đúng lúc phải làm. Nhưng từ nay về sau, chư huynh đệ sẽ không còn cơ duyên được gặp gỡ một vị Tỷ kheo như Đại Đức nữa. Hãy ban cho họ một thời pháp cuối cùng.”

Vị Đại Trưởng Lão vâng lời, thuyết một bài pháp với tất cả uy lực màu nhiệm. Giải thích khúc chiết mạch lạc, dẫn chứng hùng hồn, Ngài trình bày Giáo Pháp từ tốt đỉnh của chân lý tối thượng và sâu xa vi diệu, đến những sự thực đơn giản và rất đời thường.

Khi bài pháp kết thúc, Ngài đánh lễ dưới chân Đức Bổn Sư. Quý mọp, ôm chân vị Thầy ân đức cao quý nhất, Ngài dụi dàng thưa:

“Để được kính cẩn lễ bái đôi bàn chân này, con đã hành trì mười pháp ba-la-mật (paramis) từ vạn kỷ, qua bao nhiêu đời kiếp. Đại nguyện của con nay được viên mãn rồi. Từ nay sẽ không còn gặp gỡ; quan hệ mật thiết này giờ đây cắt đứt. Không bao lâu nữa con sẽ nhập Niết Bàn, nơi chư Phật từng quy nhập, không

còn sanh lão bệnh tử, bình an và hạnh phúc.”

Đoạn, Trưởng Lão Sariputta khái quát:

“Bạch Đức Thế Tôn, nếu con đã có hành vi hay lời nói nào không vừa ý Ngài, xin Ngài hãy tha thứ cho con! Đến lúc con phải từ biệt rồi.”

Đức Phật trả lời người đệ tử thân thương quý dưới chân mình:

“Nhu Lai tha thứ cho Đại Đức, Sariputta. Nhưng không có một hành vi hay lời nói nào của Đại Đức làm Nhu Lai không vừa ý. Sariputta, hãy lên đường, thực hành những gì đúng lúc phải làm.”

Và Người nghĩ: “Nhu Lai cho phép vị Đại Tướng Quân của Giáo Pháp nhập diệt.”

Rồi Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi, trở về tịnh cốc, đứng yên lặng nơi ấy.

Ngài Sariputta đi quanh cốc của Đức Bốn Sư ba lần, vai phải của Ngài hướng về nơi Đức Bốn Sư đang đứng. Cung kính lễ bái bốn phía tịnh cốc, rồi Ngài cúi đầu bái biệt vị Thầy yêu kính. Chắp tay trước ngực, mắt hướng về phía Đức Bốn Sư không rời, Ngài bước thụt lùi mãi đến khi không còn nhìn thấy Người được nữa.

Đức Thế Tôn dạy Tăng Chúng đang tề tựu chung quanh:

“Này chư Tỳ Kheo, hãy đi theo tiễn biệt Đại Sư

Huynh!”

Tứ Chúng vâng lời, lập tức rời khỏi tịnh xá, theo gót Trưởng Lão Sariputta. Chỉ còn Đức Thế Tôn ở lại.

Dân chúng trong thành Savatthi (Xá Vệ) cũng đồng lượt ra khỏi nhà, hương hoa trong tay, nối gót tiễn đưa Ngài. Họ buồn bã khóc than:

“Trước đây, Ngài đi rồi trở về. Lần ra đi này Ngài sẽ không bao giờ trở lại.”

Ngài Sariputta nhẹ nhàng khiển trách:

“Đây là con đường không ai tránh khỏi. Vạn pháp đều vô thường. Có sanh có diệt,” và Ngài yêu cầu họ về lại nhà.

Quay nhìn những chư Tăng theo tiễn biệt, Ngài dạy:

“Chư huynh đệ trở về được rồi. Hãy chăm sóc Đức Bổn Sư. Đừng bao giờ xao lãng.”

Bao giờ, và hơn bao giờ hết, Ngài cũng luôn nhớ đến Đức Bổn Sư... Từ nay Ngài không còn được đích thân cận kề chăm sóc người Thầy yêu kính nhất đời nữa.

Trên con đường thăm thăm quay về quê cũ chuẩn bị ngày nhập diệt, mỗi bước chân chánh niệm của vị Trưởng Tử Như Lai là một dấu ấn sâu sắc cho từng lời Đức Bổn Sư thường nhắc nhở:

“Rồi có một ngày chúng ta sẽ phải chịu ngăn cách, biệt ly, xa rời tất cả những gì ta yêu mến vô cùng. Không tránh được! Có sanh có diệt. Có hợp có tan. Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, không bền vững. Hãy tinh tấn tìm cầu giải thoát!”

Những dấu ấn ấy có lẽ là cúng dường cuối cùng, cao thượng nhất, ý nghĩa nhất, Ngài Sariputta đã kính dâng lên Đức Bổn Sư để đền ân giáo huấn trên con đường giải thoát.

Mẹ

Trong ngôn ngữ của loài người, chữ 'Mẹ' có lẽ êm đềm, tha thiết, dịu dàng nhất. Chỉ đơn giản một chữ ấy thôi mà gọi lên được ân Mẹ sâu dày, tình Mẹ bao la.

Đức Thế Tôn dạy:

“Có hai hạng người không thể trả ơn được. Đó là Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng Mẹ, một bên vai cõng Cha, suốt một trăm năm, cho đến khi Cha Mẹ được trăm tuổi; nếu đắp bóp, thoa dầu, tắm gội, và dù tại đây Mẹ Cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho Mẹ, cho Cha.”

May mắn thay, Ngài còn dạy thêm:

“Ai có Cha Mẹ không có Chánh Tín, thì khuyến khích hướng dẫn Cha Mẹ an trú vào Chánh Tín; có Cha Mẹ theo ác giới, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào thiện giới; có Cha Mẹ gian tham, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào bố thí cúng dường; có Cha Mẹ theo ác trí, thì khuyến khích hướng dẫn an trú vào thiện trí. Làm được như vậy là đền đáp tròn đầy ân đức Mẹ Cha.”

Những lời dạy ấy ắt hẳn luôn nằm trong tâm khảm của Ngài Sariputta, một người con đại hiếu và một vị Thánh hạnh nguyện cao thượng vô biên. Đó là vì cho đến lúc Ngài sắp kết thúc kiếp sống cuối cùng, Mẹ Ngài - bà Rupasari - vẫn chưa có đức tin nơi Tam Bảo. Bà vẫn là một tín đồ Bà-la-môn trung kiên, lúc nào cũng đổ ky, thù ghét Giáo Pháp của Đức Phật và đệ tử của Người.

Đại Đức Sariputta sinh trưởng trong một gia đình Bà-la-môn. Cha Ngài qua đời lúc Ngài còn thơ. Ngài có ba anh em trai - Cunda, Upasena, Revata - và ba chị em gái - Cala, Upacala, Sisupacala. Cả bảy anh chị em đều lần lượt xuất gia với Đức Phật và đắc Thánh quả Arahat.

Khi Đại Đức Sariputta sắp tịch diệt, ông Cunda - người em thứ nhất - là thị giả của Đại Đức, cũng là người thông báo cho Đức Phật về cái chết của Đại Đức và đem y bát và tro cốt của vị Trưởng Tử về dâng Đức Bổn Sư.

Ông Upasena được Đức Phật khen ngợi là vị Tỳ kheo hàng đầu trong những vị hành trì pháp hạnh Tri Túc (samantapasadika).

Ông Revata là em trai út. Mẹ ông không muốn ông theo gót các anh xuất gia đầu Phật nên ép ông lập gia đình khi hãy còn niên thiếu. Ông vâng lời. Nhưng trong ngày hôn lễ, ông nhìn thấy bà ngoại của người vợ tương lai, lúc ấy đã 120 tuổi, tàn tạ, già yếu. Ghê sợ cuộc đời tục lụy phù du, ông lập tức dùng mưu mẹo bỏ trốn, vào chùa xuất gia ẩn tích.

Vài năm sau, trên đường đến đánh lễ và thăm viếng Đức Phật, ông dừng chân ở một khu rừng cây xiêm gai, nhập hạ. Trong thời gian này, ông đắc Thánh quả Arahat. Ông được Đức Phật khen tặng là vị Tỳ kheo ưu tú nhất trong những vị sống đời ẩn cư vắng lặng trong rừng.

Ba chị em gái - Cala, Upacala và Sisupacala - noi gương các anh em trai, sau khi thành hôn đều lần lượt xuất gia, sống đời Tỳ kheo ni thanh tịnh. Kinh Theragatha (Trường Lão Tăng Kệ) và kinh Bhikkhuni Samyutta (Tương Ứng Tỳ Kheo Ni) ghi lại rằng, khi ba vị gia nhập Ni Đoàn, Mara (Ma Vương) từng đến chế nhạo và cám dỗ nhưng không bao giờ quật ngã được giới hạnh trong sạch và kiên cường của ba vị.

Lúc lập gia đình, ba chị em mỗi người sanh một trai. Ba người con trai này cũng xuất gia, được Đại Đức Revata (người cậu út) ban giới sa di.

Cứ thế, lần lượt từng người con, từng đưa cháu bỏ nhà ra đi, xa rời bà Rupasari, trở thành đệ tử Phật, lấy Tăng Đoàn làm thân quyến. Mây mù vô minh dày đặc bủa vây, sợi dây luyến ái ngày càng trói siết, vật vã trái tim bà. Có lẽ vì thế mà bà căm giận Đức Phật, nghi kỵ Pháp Bảo, thù nghịch chư Tăng.

Một lần nọ, Đại Đức Sariputta dẫn theo một số Tăng sĩ, dừng chân ở quê Ngài, làng Nalaka. Trên đường đi khát thực trong làng, Ngài đến nhà của Mẹ Ngài. Bà mời Ngài và tất cả chư Tăng ngồi và dâng vật thực, nhưng cùng lúc ấy lại buông lời nhiếc móc xúc xiểm:

“Cơ cực, ai lại đi ăn đồ bố thí thừa cặn của thiên hạ! Lỡ khi không xin được chút cháo chua dư thừa, chắc Sư phải đi từ nhà người dưng này sang nhà kẻ lạ khác, liếm bát liếm vá của người ta. Sống bần hàn như vậy mà Sư chịu từ bỏ gia tài hàng trăm triệu để đi làm tỳ kheo! Sư làm tôi nhục nhã! Đây thức ăn, ăn đi!”

Cũng như vậy, bà vừa sót bát cho chư Tăng tháp tùng Ngài, vừa khích bác:

“Vậy ra mấy ông đây là những người đã bắt con trai tôi theo làm tôi mọi hầu hạ! Thôi, ăn đi!”

Cứ như vậy, bà tiếp tục sỉ vả Đại Đức và chư Tăng. Thế nhưng Đại Đức không nói trả một lời nào. Ngài nhận thức ăn, im lặng thọ dụng, rồi điềm đạm ôm bình bát trở về tịnh xá.

Đi theo đoàn chư Tăng lần ấy có ngài Rahula, con trai Đức Phật. Khi trở về ngài Rahula thuật lại cho Đức Phật rõ. Chư Tỳ kheo biết được câu chuyện này đều tán phục sự kiên nhẫn chịu đựng phi thường của Đại Đức Sariputta. Đức Phật đã khen ngợi Ngài giữa Tăng Chúng qua bài kệ sau:

*Không hận, hết bỏn phận,
Tri giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn (*)*

Dhammapada (Kinh Pháp Cú 400)

(*) ở đây có nghĩa là bậc giác ngộ A-la-hán

Thấy Mẹ như vậy, ngoài tình thương yêu của người con hiếu thảo, lòng Ngài Sariputta còn tràn ngập niềm bi mẫn trước vô minh lầm lạc và bất thiện nghiệp của Mẹ. Đến cuối cuộc đời, ý muốn báo đền công ơn sanh thành dưỡng dục cho Mẹ càng thôi thúc Ngài hơn bao giờ hết. Dù sức tàn lực kiệt, Ngài cũng quyết tâm trở về quê nhà, thăm Mẹ lần chót để cứu độ Mẹ thoát khỏi vòng đau khổ triền miên.

Với quyết tâm ấy, sau khi được Đức Bổn Sư cho phép về quê hương để nhập diệt, Trưởng Lão Sariputta dẫn năm trăm vị Tỳ kheo cùng Ngài trở lại làng Nalaka, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi có người mẹ già còn lặn ngụp trong bể trầm luân.

Trên đường đi, Ngài lâm trọng bệnh. Thế nhưng, từng bước, từng bước, với đôi chân yếu ớt, Ngài vẫn kiên trì hướng về quê Mẹ. Lặn lội suốt mấy ngày đêm, Ngài và chư Tăng về đến làng lúc trời sẩm tối.

Lúc Ngài dừng bước ở cây đa đầu làng, một người cháu đến đảnh lễ. Ngài nhờ cháu thông báo cho Mẹ hay rằng Ngài sẽ ở lại nhà bà một ngày, dọn bà sửa soạn căn phòng nơi ngày xưa Ngài đã chào đời, và cung ứng chỗ trú ngụ cho năm trăm tỳ kheo.

Hay tin con về, bà Rupasari tự hỏi:

“Vi sao ông ấy về? Vi sao yêu cầu ta cung cấp ngàn ấy chỗ ở? Thời thanh xuân thì đi tu, chẳng lẽ khi tuổi già bóng xế muốn trở lại đời thế tục?”

Thắc mắc nhưng bà vẫn sắp đặt như lời Ngài

Sariputta yêu cầu, đốt đuốc soi đường, và mời Ngài cùng chư Tăng về nhà.

Chư Tăng theo Ngài vào sân nhà. Sau khi ngồi xuống trong căn phòng nơi mình đã chào đời, Ngài truyền chư Tăng về chỗ tạm trú.

Tuy nhiên, không ai rời bỏ Ngài được vì lúc bấy giờ Ngài Sariputta đã hoàn toàn kiệt lực. Thân xác Ngài phút chốc bỗng đau đớn tột cùng do chứng kiết lỵ phát tác, hoành hành. Ngài đi tả không ngừng. Các đệ tử của Ngài kề cận, tận tụy tẩy uế, chăm sóc đỡ dần từng giây phút.

Mẹ Ngài thấy vậy, sinh lòng cảm kích chư vị. Khi Ngài Sariputta tạm yên nghỉ, bà cung thỉnh chư Tăng về nghỉ ngơi nơi mình đã dọn dẹp sắp đặt trước.

Và, đó là sự cúng dường trong sạch đầu tiên trong đời Mẹ Ngài đã dâng đến chư Tăng.

Theo dõi bệnh tình, biết con mình chỉ còn tàn lực, Mẹ Ngài đau xót trong lòng, không sao ngủ được. Bà đứng tựa trước cửa phòng mình, lo âu suy nghĩ.

Đến nửa đêm, biết vị Trưởng Tử của Đức Phật sắp nhập diệt, tất cả chư thiên ở các cõi trời lần lượt xuống trần, viếng thăm và đánh lễ bái biệt Ngài. Từ châu thân các vị, ánh sáng liên tục chói ngời và hương thơm tỏa ngào ngạt phòng Ngài Sariputta.

Mẹ Ngài đứng tựa cửa phòng mình trông qua phòng con nên nhìn thấy ánh sáng kỳ diệu này. Bà đi

vào phòng Ngài. Ngài dịu dàng hỏi Mẹ:

“Sao giờ này Mẹ chưa nghỉ ngơi, lại vào đây?”

“Mẹ đến thăm con,” bà trả lời. “Này con, lúc này ai đã vào đây viếng thăm con đầu tiên?”

“Thưa Mẹ, đó là Tứ Đại Thiên Vương.”

“Như vậy, con còn cao quý hơn các ngài ấy?”

“Họ chỉ là những vị hộ pháp. Từ khi Đức Phật đản sinh, họ là những vị cận vệ có sứ mệnh bảo vệ Ngài.”

Bà hỏi tiếp:

“Sau khi họ đi rồi, vị kế tiếp đến thăm con là ai?”

“Thưa Mẹ, đó là vua trời Sakka (Đế Thích).”

“Như vậy, con yêu, con còn cao quý hơn vua trời Sakka phải không?”

“Ngài chỉ như một thị giả của chư Tăng. Khi Đức Thế Tôn từ cõi trời Đạo Lợi thuyết pháp trở về, ông đã kính cẩn mang y bát của Đức Thế Tôn và theo hầu và tiến chân Ngài đến tận cõi trần.”

“Và khi vua trời Sakka đi rồi, ai đã đến thăm con mà hào quang tỏa sáng cả căn phòng?”

“Mẹ ơi, là Ngài Mahabrahma, vị giáo chủ và thiên

sư của Mẹ đó.”

“Vậy thì con còn cao quý hơn giáo chủ Đại Phạm Thiên Mahabrahma của Mẹ sao?”

“Thưa Mẹ, ngày Đức Bổn Sư chào đời, chính bốn vị Đại Phạm Thiên đã đến đón đỡ Ngài trong một tấm lưới chổi vàng rực rỡ.”

Nghe vậy, người mẹ Bà-la-môn tự hỏi:

“Nếu oai lực của con trai mình đã như thế này thì oai lực Đức Bổn Sư của con còn hùng vĩ đến đâu nữa?”

Nghĩ đến đây, bỗng dựng một niềm sung sướng hỉ lạc bừng dậy, dâng tràn khắp châu thân bà.

Đức Trưởng Lão quán thấy được tâm tư của Mẹ, Ngài biết rằng đây chính là lúc để giảng giải Giáo Pháp cho bà.

Ngài triu mến hỏi Mẹ:

“Mẹ ơi, Mẹ đang nghĩ gì?”

“Mẹ đang nghĩ,” bà trả lời, “nếu con trai của mẹ phước hạnh giới đức như thế thì phước hạnh giới đức của thầy con còn vĩ đại đến đâu.”

Ngài Sariputta trả lời:

“Trong giây phút Đức Bổn Sư chào đời, đêm Ngài xuất gia lìa bỏ đời thế tục, khi Ngài thành đạo, và

lúc Ngài quyết định chuyển Pháp Luân hoàng dương Giáo Pháp, cả tam thiên thế giới đều chấn động. Không một ai có được giới hạnh, an trụ, trí tuệ, cũng như sự thuần thực và nhận thức chân lý giải thoát vĩ đại sánh bằng Ngài.”

Rồi trước khi kết thúc kiếp sống cuối cùng, Ngài Sariputta đem hết tâm lực của mình dâng cho Mẹ bài pháp về sự nương tựa, tín tâm nơi Tam Bảo và con đường giải thoát.

Khi bài pháp chấm dứt, Mẹ Ngài phát đức tin trong sạch, mạnh mẽ và thành kính nơi Tam Bảo. Bà đắc quả Nhập Lưu, nhập dòng Thánh.

Vào lúc đó là buổi rạng đông. Ngài Sariputta cho triệu tập chư Tăng. Khi tất cả tề tựu, Ngài dạy Đại Đức Cunda đỡ Ngài ngồi dậy. Rồi Ngài nói cùng chư Tăng:

“Đã bốn mươi bốn năm huynh cùng sống và du hành cùng chư hiền đệ. Nếu huynh đã có một hành vi hay lời nói nào không vừa ý chư hiền đệ, xin hãy tha thứ cho huynh.”

Tất cả đồng trả lời:

“Bạch Ngài, Đại sư huynh! Mặc dù chúng đệ luôn theo Ngài như hình với bóng, nhưng chẳng bao giờ - dù chỉ một lần hay một mảy may - Ngài khiến cho chúng đệ buồn lòng. Nhưng nếu chúng đệ có lỗi lầm gì, xin Ngài hãy tha thứ.”

Sau đó, vị Đại Trưởng Lão sửa y áo tề chỉnh, nhẹ

nhàng nằm xuống. Trút hơi thở của kiếp sống cuối cùng, Ngài nhập Đại Niết Bàn.

Hôm ấy là ngày trăng tròn tháng Kattika, tức tháng mười/mười một dương lịch, đúng năm tháng trước ngày Đức Phật nhập diệt.

Ngài Sariputta thanh thân ra đi sau khi làm tròn được bốn phận cao quý nhất của một người con hiếu thảo, là hướng dẫn được đấng sanh thành - lúc còn tại thế - vào lối sống trong sạch thanh cao của người con Phật.

Phút cuối của cuộc đời, hướng dẫn được Mẹ ‘an trú vào thiện trí’, Ngài đã đền đáp trọn vẹn ân điển đầu tiên của cuộc đời: ân của Mẹ.

Phút cuối của cuộc đời, Ngài Sariputta ra đi ở trong căn phòng Mẹ đã cho Ngài chào đời. Thân xác tứ đại rồi được hỏa táng, trở thành cát bụi, ngay nơi chôn nhau cắt rốn. Hết thầy nghĩa ân đã tròn đầy. Tất cả dây rốn đã cắt đứt, và vì “không còn sinh nên không còn diệt” nữa. Ngài mãi mãi không còn phải vất vả đi về trong cõi trầm luân.

Thế nhưng tình yêu thương, độ lượng, ân đức của Ngài trong lòng tất cả những ai đã được Ngài đi qua đời - như chúng con, hôm nay đây, ôn lại cuộc đời Ngài - vẫn dịu dàng tỏa sáng. Ngài Sariputta sẽ mãi là một trong những “Bên Kia Dây Rốn” tâm linh trong sạch cao quý nhất của những người con Phật.

Thay Lời Kết

Cunda Sutta

Sau khi Đại Đức Sariputta viên tịch, Đại Đức Cunda đem y bát và tro cốt của Ngài về dâng Đức Thế Tôn. Lúc ấy Người đang ngụ tại Jetavana Vihara.

Trưởng Lão Ananda buồn bã bạch với Đức Phật:

“Ôi Đức Thế Tôn! Khi con nghe hiền hữu Cunda báo tin Đại Đức Sariputta đã nhập diệt, thân con bàng hoàng yếu ớt. Vạn vật quanh con như mờ nhạt, chìm vào bóng tối.”

Đức Phật hỏi:

“Sao lại vậy Ananda? Khi Sariputta qua đời, ông ấy có lấy theo của thầy một phần giới, định, tuệ hay giải thoát nào không?”

Ngài Ananda thưa:

“Thưa không, Bạch Thế Tôn. Nhưng Đại Đức với con đã từng là một người cố vấn, một vị thầy đã đem lại sự phấn chấn, hoan hỉ và cảm kích khi giảng giải Giáo Pháp cho chư huynh đệ chúng con. Chúng con cứ nhớ mãi những bài pháp sống động và hữu dụng của hiền huynh.”

Đức Phật dạy:

“Này Ananda, không phải Như Lai đã từng dạy thầy rằng, rồi có một ngày chúng ta sẽ phải chịu ngăn cách, biệt ly, tách rời tất cả những gì ta yêu mến vô cùng? Có sanh có diệt. Có hợp có tan. Không thể nào giữ chúng được bên ta mãi.

Ví như một nhánh cây lớn đến lúc phải gãy đổ, thì dù thân cây cứng cáp mạnh mẽ đến đâu, cũng không giữ nhánh lại được, Sariputta đến lúc vĩnh biệt Tăng Đoàn hùng mạnh. Muốn bám víu cũng không thể nào được.

Vì vậy, Ananda, hãy làm hải đảo của chính mình, hãy nương tựa nơi chính mình, đừng tìm cầu chỗ tựa nương bên ngoài. Lấy Giáo Pháp làm hải đảo của con, lấy Giáo Pháp làm nơi nương tựa, không tìm cầu nơi nào khác.”

Rồi Đức Bôn Sư đón nhận tro cốt của Đại Đức Sariputta, đặt trong tay Người, và nói với Đại Chúng:

“Chư Tỳ kheo, này là tro cốt của một vị Tỳ kheo trước đây không bao lâu đã xin phép Như Lai nhập Đại Niết Bàn.

Vị Tỳ kheo ấy đã hành trì viên mãn mười pháp ba-la-mật từ vạn kỷ, qua bao nhiêu đời kiếp. Vị Tỳ kheo ấy đã hỗ trợ Như Lai chuyển luân bánh xe Pháp Bảo tối thượng mà Như Lai khởi chuyển. Cánh tay phải, Trưởng Tử của Như Lai là vị Tỳ kheo ấy.

Vị Tỳ kheo ấy là bậc đệ nhất trí tuệ trong toàn thập thiên thế giới - một trí tuệ tinh anh, quảng bác và thậm thâm vô lượng - chỉ sau Như Lai mà thôi. Vị Tỳ kheo ấy có hạnh tri túc, ưa nếp sống vắng lặng, nghị lực kiên cường, giới hạnh sáng ngời, và là động cơ khuyến tu của hàng huynh đệ.

Trải qua năm trăm kiếp sống, vị Tỳ kheo ấy liả bỏ đời thế tục cực kỳ giàu sang danh vọng để xuất gia, đi theo nếp sống phạm hạnh của người khát sĩ. Nhẫn nại như đại địa, khiêm cung như đũa trẻ bụi đời bần cùng, hiền lành vô hại như con trâu đã cưa sừng là vị Tỳ kheo ấy.”

Rồi Đức Thế Tôn đọc những câu kệ ca ngợi vị đệ tử vĩ đại của Người:

*Lời này cho người suốt năm trăm kiếp
Khất sĩ không nhà, thoát vòng tục lụy
Thu thúc lục căn, kiên cường phạm hạnh
Đáng kính thay, Sariputta, nay nhập diệt rồi!*

*Lời này cho người hạnh lành như đất
Nhẫn nại, từ bi, dịu mát vô ngần
Kiên định xuất phạm sánh cùng đại địa
Đáng kính thay, Sariputta, nay nhập diệt rồi!*

*Lời này cho người khiêm cung tột bậc
Như trẻ bụi đời đi vào đô thị
Từng bước chậm đều ôm bát xin ăn
Đáng kính thay, Sariputta, nay nhập diệt rồi!*

*Lời này cho người, nơi phố hay rừng,
Như trâu cưa sừng hiền hòa vô hại
Ấy là Sariputta, bậc chiến thắng chính mình
Đáng kính thay, Sariputta, nay nhập diệt rồi!*

Samyutta Sutta - Satipatthana
Kinh Tương Ưng - Tương Ưng Niệm Xứ

Sadhu! Sadhu! Sadhu!
Lành Thay! Lành Thay! Lành Thay!

Tài Liệu Tham Khảo

The Great Disciples Of The Buddha
Their Lives, Their Work, Their Legacy
Sariputta: The Marshal of the Dhamma
Tác giả: Tỳ Kheo Nyanaponika Thera

Life of the Buddha
Tác giả: Tỳ Kheo Silacara

Alinacitta Jataka 156
The Elephant Who Saved a Kingdom
Thuật Lại: Ken & Visakha Kawasaki
Buddhist Publication Society Bodhi Leaves No.158

Kinh Pháp Cú
Tỳ Kheo Khantipalo
Tỳ Kheo Thích Minh Châu Dịch Việt

Đại Niệm Xứ
Tác giả: Thiền Sư U Silananda
Phiên Dịch: Tỳ Kheo Khánh Hỷ

Phương Danh Phật Tử Hùng Phước Ân Tông

GD Bạch Liên Hoài Thi * Bùi Hoài Thanh * Cao
Phương Mai * Cao Thị Cúc * GD Cẩm Lan * Chân
Hiển Thụy * GD Diệu Hạnh * Diệu Mỹ Quảng Tín *
Diệu Tín & Trần Thảo * Diệu Viên . Diệu Thành *
Du Quang Linh Lan * Dương Nguyệt . Trần Thành
* Đặng Bá Đạt . Lê Thanh Hồng * GD Đào Trọng
Hiệp * Đào Trọng Hưng * Hà Thu Vân * Hải Bàn *
GD Hương Đăng * Hương Nguyễn * Huỳnh Muội *
Huỳnh Nga * GD Huỳnh Tấn Thông * John
Trương * GD Khiêm Thảo * GD Lê Bá Dũng * Lê
Tấn Lộc . Diệu Phước Ngô Thị Hai * Lê Thị Huệ *
Lê Thị Hường * Lương Hương Hồ * Lương Duyên .
Uyên . Toàn * Lương Ngọc Thuyên * Lương Thục
Trân . Bửu Trân . Mỹ Trân . Như Trân . Cẩm
Vinh . Cẩm Hòa . Cẩm Toàn * Lý Mai * Metta
Trần * GD Minh * GD Minh Trinh * Ngọc Lan Trần
* GD Ngô Quý Vinh * Nguyễn Khiêm * Nguyễn
Bích Liên * Nguyễn Điệp * Nguyễn Đức Trí * GD
Nguyễn Kim Oanh . Nguyễn Đức Huân * Nguyễn
Giảng . Nguyễn Thị Út * Nguyễn Khoa Lan *
Nguyễn Quý * Nguyễn Thanh * Nguyễn Thị Kính .
Huỳnh Thanh Sơn * Nguyễn Thu Hà * Nguyễn
Trang Anh * Nguyễn Trâm * Nguyễn Văn Ba *
Nguyễn Văn Liêm * Nguyễn Văn Rô . Nguyễn
Thiện * Ngô Học Sinh . Huỳnh Anh * Phạm Ánh
Tuyết * Phạm Hạnh * GD Phạm Hoàng * Phạm

Huyền Linh * Phạm Khắc Thiệu * Phạm Linh *
Phạm Phú Luyện * Phạm Vinh * Phan Cẩm Thúy *
Phan Liên * Phan Thị Mỹ * Phụng Liêm * Quảng
Tịnh Hợp Tuyển * Sarya Thái * Tâm Diệu Trí *
Thái Kim Hoa * Thúy Khoát Đỗ * Thúy Nguyễn .
Wendy * GD Thùy Anh * GD Thùy Dương * GD
Thùy Khanh * GD Thùy Trang * Tịnh Lạc Hồ Lan *
GD Tôn Nữ Kim Thơ * GD Trần Du * GD Trần
Đình Kham * Trần Kiều . Trần Đẹt . Luyện Minh
Cường . Lê Nga . Châu Năm * Trần Hữu Thành *
Trần Minh Lợi * Trần Minh Quang * Trần Nụ *
Trần Tấn . Hà Ngọc Anh * Trần Trung . Nguyễn
Thị Hoa * GD Trịnh Trung Hoàng * Trương Điền .
Trang . Kiến * GD Trương Hà * Trương Hòa *
Trương Hùng . Tâm Hân * Từ Ảnh * Từ Sơn * Võ
Hồng Sơn * GD Võ Kim Phụng * Võ Thị Nhiều *
Võ Văn Nhưông . Võ Minh Hải * Vũ Bạch Tuyết *
GD Vương Minh Thu





Hồi Hương Công Đức

Nguyện cho tất cả chúng sanh
Cùng chia trọn vẹn phước lành hôm nay
Nguyện cho tất cả từ đây
Luôn luôn an lạc, duyên may mọi miền.

Nguyện cho chư vị Long Thiên
Trên trời dưới đất oai thiêng phép màu
Cùng chia công đức dày sâu
Hộ trì Chánh Pháp bền lâu muôn đời.

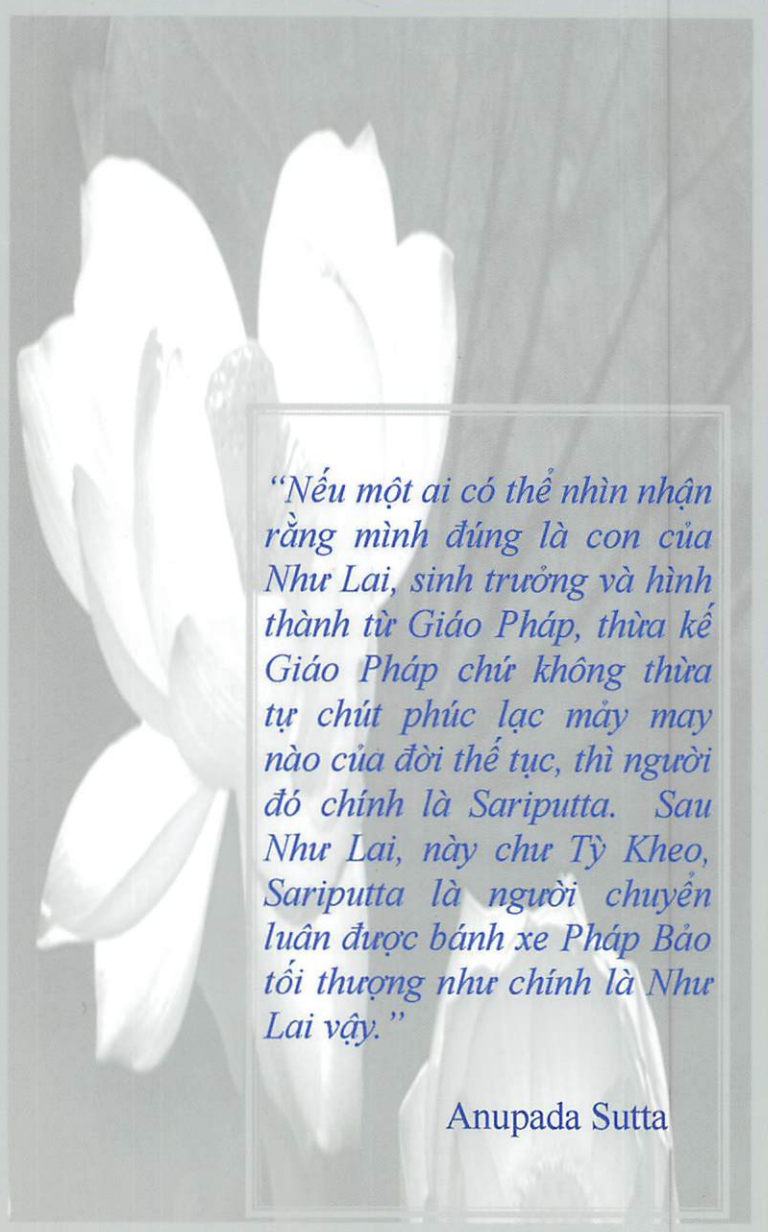
Sách Do Như Lai Thiền Viện Âm Tông

1. Căn Bản Thiền Minh Sát
2. Chánh Niệm, Giải Thoát và Bồ Tát Đạo
3. Chẳng Có Ai Cả
4. Chỉ Là Một Cội Cây Thôi
5. Con Đường Hạnh Phúc
6. Courses On the Foundations of Buddhist Culture, Beginning Level
7. Courses On the Foundations of Buddhist Culture, Intermediate Level
8. Cuộc Đời Đức Phật
9. Đại Niệm Xứ
10. Destroy The Five Aggregates
11. Đoạn Trừ Lậu Hoặc
12. Đức Phật Đã Dạy Những Gì
13. Five Ways To Cultivate a Mature and Stable Mind
14. Fundamentals of Vipassana Meditation
15. Gương Tri Ân
16. Kinh Lời Vàng
17. Lời Dạy Thiên Thu
18. Mặt Hồ Tĩnh Lặng
19. Meditation Lectures
20. Mười Hai Nhân Duyên
21. Ngay Trong Kiếp Sống Đây
22. Niệm Rải Tâm Từ
23. Pháp Hành Đưa Đến Bình An
24. Settling Back Into The Moment
25. Silavanta Sutta
26. Sống Trong Hiện Tại
27. Spiritual Cultivation
28. Suy Niệm Về Hiện Tượng Chết



Như Lai Thiền Viện
Tathagatha Meditation Center
1215 Lucretia Ave.
San Jose, CA 95122
(408)294-4536
www.tathagata.org

Printed by POPYRUS
1002 S. 2nd Street
San Jose, CA. 95112
Tel: (408) 971-8843
papyrusqt@yahoo.com



“Nếu một ai có thể nhìn nhận rằng mình đúng là con của Như Lai, sinh trưởng và hình thành từ Giáo Pháp, thừa kế Giáo Pháp chứ không thừa tự chút phúc lạc may mắn nào của đời thế tục, thì người đó chính là Sariputta. Sau Như Lai, này chư Tỳ Kheo, Sariputta là người chuyển luân được bánh xe Pháp Bảo tối thượng như chính là Như Lai vậy.”

Anupada Sutta

SÁCH AN TÔNG